VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 1173 + 1174)

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

a) Đường bộ

- Xây dựng tuyến cao tốc Đà Nẵng - Thạnh Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y kết nối với đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Nâng cấp đường cao tốc La Sơn - Túy Loan; Quốc Lộ 14B đoạn qua địa phận Đà Nẵng (dài khoảng 8 km) đạt quy mô đường trục chính đô thị 6 làn xe; Quốc lộ 14G đoạn qua địa phận Đà Nẵng (dài khoảng 25 km) đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, 02 làn xe; đường tránh Nam Hải Vân (đoạn Hòa Liên - Hải Vân và Hòa Liên - Túy Loan. Xây dựng các nút giao thông khác mức kết nối các tuyến đường quốc gia vào hệ thống giao thông đô thị.

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.1)

- Mạng lưới đường đô thị:

+ Xây dựng tuyến đường Vành đai phía Tây 1 nằm giữa đường Vành đai phía Tây và đường bộ cao tốc; nghiên cứu quy hoạch và xây dựng hầm chui xuyên qua sân bay kết nối phía Đông và phía Tây; bổ sung các tuyến đường mới kết nối từ cảng Liên Chiểu đến đường tránh Nam hầm Hải Vân - Túy Loan, tuyến đường từ đường Vành đai phía Tây đến cao tốc La Sơn - Túy Loan (phía sau Khu công nghệ cao), kết nối đường Nguyễn Sinh Sắc đến đường Hoàng Văn Thái nối dài, từ Khu công nghiệp Hòa Khánh đến ga đường sắt mới để tạo thành trục chính kết nối Đông - Tây.

+ Xây dựng tuyến đường Lê Duẩn kết nối với đường Đống Đa; tuyến đường Hoàng Hoa Thám thông ra đường Nguyễn Tất Thành; xây dựng công trình qua

sông Hàn kết nối từ khu vực đường Đống Đa - Trần Phú sang đường Vân Đồn - Trần Hưng Đạo, tuyến đường Nguyễn Sinh Sắc nối dài thông tuyến đường Hoàng Văn Thái, Vành đai phía Tây II và đường tránh Nam Hải Vân; đồng thời tính toán các giải pháp kết nối Cảng biển và Ga Kim Liên…

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.2)

+ Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các nút giao thông: Tổ chức giao cắt khác mức đối với các nút giao giữa các tuyến đường bộ với đường sắt quốc gia quy hoạch.

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.3)

- Giao thông công cộng:

+ Tiếp tục mở rộng mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhằm tăng mật độ bao phủ tuyến, tăng cường kết nối với các phương thức vận tải khác; khuyến khích phương tiện thân thiện môi trường như: xe buýt điện, CNG, LPG...

+ Đường sắt đô thị: Xây dựng 02 tuyến MRT, 11 tuyến LRT, 03 tuyến LRT du lịch hoặc phương thức khác tương đương năng lực và tốc độ vận chuyển. Một số tuyến LRT sẽ tận dụng, mở rộng quỹ đất đường ray có sẵn của nhánh đường sắt quốc gia Bắc - Nam (sau khi di dời Ga đường sắt hiện trạng ra khỏi trung tâm thành phố) để xây dựng, đồng thời kết hợp tái phát triển đô thị dọc trục hành lang tuyến LRT theo định hướng TOD.

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.4)

+ Xây dựng tuyến giao thông công cộng (đường sắt đô thị hoặc phương thức tương đương khác) kết nối giữa thành phố Đà Nẵng với thành phố Hội An (tỉnh Quảng Nam) và thị trấn Lăng Cô (tỉnh Thừa Thiên - Huế).

- Phát triển loại hình giao thông phi cơ giới. Hình thành các tuyến đường dành riêng cho xe đạp để khai thác du lịch trải nghiệm thành phố.

- Giao thông tĩnh và công trình đầu mối (bến xe):

+ Xây dựng mới Bến xe phía Bắc tại phía Bắc nút giao đường tránh Nam Hải Vân và đường Vành đai phía Tây 2; bến xe phía Tây tại khu vực nhà máy xi măng Hòa Khương (sau khi di dời), huyện Hòa Vang. Cải tạo, nâng cấp Bến xe phía Nam; chuyển đổi Bến xe trung tâm thành đầu mối giao thông công cộng.

+ Xây dựng các bãi đỗ xe, điểm đỗ xe công cộng, bãi đỗ xe trung chuyển đảm bảo diện tích đất cho giao thông tĩnh đạt 3 - 4% diện tích đất xây dựng đô thị.

Khuyến khích khai thác không gian ngầm làm bãi đỗ xe kết hợp thương mại dịch vụ.

+ Bố trí sẵn quỹ đất (ngầm/nổi) phù hợp cho các vị trí ga đầu cuối, ga trung chuyển (ngầm/nổi/trên cao), depot của các tuyến vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn MRT và LRT. Định hướng phát triển các ga này theo mô hình TOD (Transit-Oriented Development), kết nối đồng bộ với các loại hình vận tải hành khách công cộng khác (xe buýt, xe đạp công cộng, taxi, ...) kết hợp quy hoạch phát triển thương mại dịch vụ tập trung. Các trạm trung chuyển chính bao gồm: Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Ga Đà Nẵng hiện trạng, Ga Đà Nẵng mới theo quy hoạch, Công viên 29/3, Cảng Sông Hàn...

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.5)

b) Đường sắt

- Xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao và đường sắt thường quốc gia đi cùng hành lang, chạy song song đường bộ cao tốc về phía Đông; quy hoạch tuyến đường sắt Đà Nẵng - Kon Tum kết nối với tuyến đường sắt quốc gia Bắc - Nam tại Ga Đà Nẵng mới sau năm 2030.

- Di dời ga Đà Nẵng, xây dựng nhà ga đường sắt mới tại khu vực phía Bắc nút giao giữa đường Bà Nà - Suối Mơ với đường bộ cao tốc thuộc khu vực xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang. Tái phát triển khu vực Ga Đà Nẵng hiện trạng thành đầu mối trung chuyển vận tải hành khách công cộng chính kết hợp phát triển thương mại, dịch vụ theo định hướng phát triển TOD và CBD.

- Xây dựng Ga Trung tâm logistics đường sắt tại khu vực xã Hòa Liên, gần nút giao cắt của đường sắt quốc gia, đường bộ quốc gia và đường vành đai thành phố; quy hoạch các tuyến đường sắt chuyên dùng kết nối giữa Đường sắt quốc gia, Ga Trung tâm logistics đường sắt với Cảng biển Liên Chiểu và các đầu mối có nhu cầu thu gom, vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt.

c) Đường hàng không

- Đến năm 2030: Nâng cấp, mở rộng khu hàng không dân dụng, sân đỗ máy bay để nâng công suất lên khoảng 25 triệu hành khách/năm và là trung tâm logistics chuyên dụng hàng không.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Tiếp tục mở rộng khu hàng không dân dụng, sân đỗ máy bay để nâng công suất lên 30 triệu hành khách/năm với các phân khu chức năng đa dạng, dịch vụ chất lượng cao, kết nối với hầu hết các quốc gia trên thế giới.

d) Cảng biển

- Đầu tư xây dựng mới cảng Liên Chiểu là cảng hàng hóa và các bến công vụ, sà lan; công suất đạt 50 triệu tấn/năm vào năm 2050, tiếp nhận tàu trọng tải từ 100.000 tấn trở lên, tàu công ten nơ có sức chở đến 8.000 TEU.

- Khu bến Tiên Sa: từng bước chuyển đổi công năng thành bến cảng du lịch quốc tế phù hợp tiến trình đầu tư, khai thác khu bến Liên Chiểu.

- Khu bến Thọ Quang: Tiếp tục giữ nguyên không phát triển Khu bến Thọ Quang, là khu bến tổng hợp, bến công vụ và các bến quốc phòng an ninh; cỡ tàu trọng tải đến 20.000 tấn.

đ) Đường thủy nội địa

- Luồng tuyến đường thủy nội địa và các bến thủy nội địa được tổng hợp tại Phụ lục VI. Tuyến sông Hàn - sông Vĩnh Điện sẽ chuyển thành luồng địa phương khi đủ tiêu chí theo định hướng quy hoạch đường thủy nội địa quốc gia.

- Phát triển các tuyến vận tải hành khách thủy nội địa kết nối cảng Tiên Sa và cảng sông Hàn; các tuyến vận tải hành khách từ cảng Tiên Sa đi vòng quanh bán đảo Sơn Trà, tuyến cảng Tiên Sa - khu du lịch Làng Vân - hòn Sơn Trà Con; tuyến cảng Tiên Sa - Cửa Đại - Cù Lao Chàm và các tuyến sông Cu Đê đi Hòa Bắc, Hòa Vang.

- Phát triển các tuyến vận tải hành khách đường biển phục vụ nhu cầu đi lại của người dân kết hợp phát triển du lịch như: tuyến Hạ Long - Đà Nẵng; Đà Nẵng - Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Huế - Thuận An - cảng Tiên Sa - cảng Sông Hàn, tuyến Đà Nẵng - Đảo Lý Sơn, tuyến Đà Nẵng - Cù Lao Chàm (Quảng Nam), tuyến Đà Nẵng - đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị); các tuyến vận tải hành khách đường biển quốc tế trực tiếp từ các nước: Mỹ, Canada, Úc, Ấn Độ, Châu Âu, Châu Á đến cảng biển Đà Nẵng.

e) Cảng cạn: định hướng phát triển cảng cạn kết hợp Trung tâm logistics Hòa Nhơn tại gần giao cắt giữa đường Hoàng Văn Thái và cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, khu vực Nam Hải Vân.

g) Kiểm định phương tiện: xây dựng mới, nâng cấp các trung tâm đăng kiểm và dây chuyền kiểm định hiện đại, khuyến khích xã hội hóa công tác kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ. Đến năm 2030, phát triển mới 04 đơn vị đăng kiểm với 08 dây chuyền kiểm định; giai đoạn 2030 - 2050 phát triển mới 08 đơn vị.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Nguồn cấp điện cho thành phố từ hệ thống truyền tải điện quốc gia thông qua lưới điện truyền tải 500kV, 220kV và lưới điện phân phối 110kV.

- Nguồn năng lượng tái tạo: Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời mái nhà, sinh khối, nguồn từ xử lý chất thải rắn, điện gió ngoài khơi… Đối với tiềm năng về năng lượng mặt trời mặt đất, năng lượng mặt trời mặt nước và điện khí sẽ nghiên cứu để phát triển theo nhu cầu phụ tải và điều kiện thực tế phù hợp.

- Phát triển lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng.

- Xây dựng các đường dây truyền tải điện có dự phòng phát triển lâu dài, sử dụng cột nhiều mạch, nhiều cấp điện áp đi chung trên hàng cột; hiện đại hoá và từng bước ngầm hóa lưới điện khu vực nội thành; từng bước nâng cấp, chuyển đổi các trạm biến áp phục vụ dân sinh theo hướng hiện đại, đảm bảo mỹ quan.

- Lưới điện 500 kV: Đến năm 2030, xây dựng đường dây 500 kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi, chiều dài toàn tuyến 2 x 500 km, đoạn đi qua thành phố Đà Nẵng dài khoảng 30,4 km. Xây dựng đường dây 500 kV Đà Nẵng - Dốc Sỏi mạch 2, chiều dài toàn tuyến 2 x 100 km, đoạn qua thành phố Đà Nẵng khoảng 6,8 km. Nâng công suất TBA 500 kV Đà Nẵng từ 2 x 450 MVA lên thành 2 x 900 MVA.

- Lưới điện 220 kV: Đến năm 2030, xây dựng mới 04 trạm và cải tạo 02 trạm biến áp 220 kV, tổng công suất 1.500 MVA. Đến năm 2050, định hướng cải tạo nâng công suất 03 trạm biến áp 220 kV, tổng công suất 750 MVA.

- Lưới điện 110 kV: Đến năm 2030, xây dựng mới 10 trạm và nâng cấp cải tạo 12 trạm biến áp 110 kV; đến năm 2050, định hướng xây dựng mới 09 trạm và nâng cấp cải tạo 11 trạm.

- Lưới điện trung áp phục vụ liên huyện: khi quy hoạch các khu dân cư mới cần bố trí quỹ đất để bố trí các trạm biến áp 22/0,4 kV ở khu vực trung tâm phụ tải, đảm bảo bán kính cấp điện không quá 400m ở khu vực nội thành và không quá 600 m ở khu vực nông thôn.

- Phương án cấp điện cho hệ thống LRT và MRT từ mạng lưới các trạm biến áp phân phối của từng khu vực mà các tuyến tàu điện, đường sắt đi qua, tùy theo nhu cầu cụ thể của từng đoạn tuyến và trạm điều hành/dừng trong hệ thống sẽ lắp đặt các trạm biến áp có công suất lắp đặt phù hợp.

- Khuyến khích đầu tư phát triển trạm sạc ô tô điện theo hướng xã hội hóa.

(Chi tiết theo Phụ lục VII)

3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông

- Xây dựng Công viên phần mềm Đà Nẵng, bao gồm cả Khu Công viên phần mềm số 2 trở thành khu công nghệ thông tin tập trung trọng điểm quốc gia.

- Phát triển mới 01 trạm cập bờ cáp quang biển; mở rộng dung lượng truyền dẫn các tuyến cáp quang SMW3 và APG tại Trạm cập bờ cáp quang biển Hòa Hải. Cập nhật các tuyến viễn thông trục quốc tế, quốc gia, liên thành phố đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn.

- Thu hút đầu tư 01 trung tâm dữ liệu quy mô khu vực, đưa Đà Nẵng trở thành IT-HUB của quốc gia và khu vực; 02 Trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia; phát triển Trung tâm dữ liệu hiện tại phục vụ chính quyền thành phố, các dịch vụ đô thị thông minh, chuyển đổi số; triển khai mới 02 Trung tâm dữ liệu và 01 Trung tâm tính toán hiệu năng cao. Phát triển trung tâm vùng mạng bưu chính KT1, vùng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước. Phát triển hạ tầng bưu chính Megahub, Hub cho tuyến trục thương mại điện tử và miền Trung.

- Phát triển hạ tầng mạng viễn thông hữu tuyến metronet nội thị sử dụng các công nghệ NGN, mạng viễn thông di động 5G và các thế hệ tiếp theo, mạng viễn thông vô tuyến dành cho thiết bị IOT, mạng viễn thông phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Đẩy mạnh sử dụng các công nghệ chuyển mạch trục hiện đại, phù hợp với sự phát triển quốc tế (công nghệ NGN và các công nghệ tiếp theo), bảo đảm băng thông truyền dẫn cho các dịch vụ viễn thông băng rộng.

- Ngầm hóa cáp viễn thông, phát triển hạ tầng viễn thông thụ động theo hướng sử dụng chung với hệ thống hạ tầng kỹ thuật điện, chiếu sáng, cấp thoát nước và được quy hoạch, lồng ghép vào quá trình triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giao thông, các khu đô thị, khu dân cư mới... Bảo đảm hạ tầng truyền hình số mặt đất hoạt động hiệu quả; triển khai hệ thống truyền thanh, quảng bá trên nền tảng công nghệ số.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Thủy lợi

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa hiện có; sửa chữa các đập dâng, trạm bơm và hệ thống kênh tưới, tiêu thoát nước. Đầu tư củng cố, nâng cấp các công trình

phòng chống thiên tai, nhất là hệ thống đê kè, cống, đập ngăn mặn và triều cường. Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

(Chi tiết theo Phụ lục VIII)

b) Cấp nước

- Công trình đầu mối: Duy trì/nâng công suất các nhà máy nước hiện trạng; quy hoạch mới nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ sông Vu Gia (nhánh sông An Trạch - Bàu Nít - Hà Thanh) hoặc sông Thu Bồn: xây dựng mới năm 2030, công suất cấp nước 120.000 m^3/ngày.

- Đầu tư các công trình điều tiết nước cho các nhà máy nước cầu Đỏ, nhà máy nước Hòa Liên (như: đập Quảng Huế, đập Sông Nam - Sông Bắc,...)

(Chi tiết theo Phụ lục IX)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

a) Nước thải

- Lưu vực thoát nước: nước thải được thu gom về các trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị; nước thải của 12 phân khu được thu gom và xử lý theo các lưu vực. Nước thải công nghiệp, nước thải y tế được thu gom xử lý riêng cục bộ tại nguồn đạt quy chuẩn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Mạng lưới thoát nước thải: khu vực đô thị cũ sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng; khu vực các đô thị mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn; khu vực ven biển tách nước thải riêng hoàn toàn hoặc nâng cao khả năng thu gom nước thải để ngăn chặn nước thải xả ra biển.

- Trạm xử lý nước thải: Tổng công suất các trạm xử lý nước thải sinh hoạt năm 2030 đạt 515.000 m^3/ngày. Trước mắt, nước thải phát sinh tại khu vực huyện Hòa Vang được thu gom và xử lý theo hình thức phân tán.

(Chi tiết theo Phụ lục IX).

b) Chất thải rắn

Tiếp tục đầu tư tiến tới hoàn thiện hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật môi trường đô thị (điểm tập kết rác, trạm trung chuyển rác, trạm phân loại rác, khu liên hợp xử lý rác...) với công nghệ tiên tiến. Theo đó:

- Đến năm 2030, hoàn thiện Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn với các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tổng công suất từ 1.800 - 2.000 tấn/ngày,

đảm bảo xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; đầu tư các nhà máy xử lý: chất thải nguy hại, bùn thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp...; kêu gọi đầu tư nhà máy tái chế rác thải đô thị. Quy mô, công nghệ từng nhà máy do thành phố quyết định căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và phù hợp với pháp luật, quy định hiện hành.

- Sau năm 2030, tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp xử lý chất thải rắn phía Tây thành phố quy mô 200 ha bao gồm các công năng, hạng mục công trình đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn của thành phố và mục tiêu hướng đến nền kinh tế tuần hoàn; nghiên cứu đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt công suất 1.000 tấn/ngày ở giai đoạn phù hợp tùy thuộc vào lượng chất thải rắn phát sinh thực tế.

(Chi tiết theo Phụ lục X)

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy

- Đến năm 2030, xây dựng, nâng cấp, cải tạo 19 cơ quan, doanh trại Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại các xã, phường, đảm bảo mỗi quận, huyện có tối thiểu 01 vị trí trụ sở, doanh trại Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, chú trọng các khu vực trọng điểm: Cảng Liên Chiểu, Cảng Tiên Sa, Khu Công nghệ cao và khu vực Sông Hàn, Sông Cu Đê… Đến năm 2050, quy hoạch bổ sung 06 vị trí trụ sở, doanh trại Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo 15 bến bãi lấy nước, hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy và chữa cháy đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình và hệ thống thông tin liên lạc theo quy định của Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện, quy định của Bộ Công an và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

- Bảo tồn và phát huy các công trình tôn giáo, di tích lịch sử, lập danh mục các công trình kiến trúc có giá trị. Lập hồ sơ xếp hạng ít nhất 08 di tích cấp quốc gia và cao hơn; đề nghị công nhận bảo vật quốc gia cho 01-02 hiện vật.

- Đầu tư và kêu gọi đầu tư các dự án: Nhà hát lớn thành phố, Quảng trường trung tâm thành phố, các bảo tàng chuyên đề, các công viên biển dọc vịnh Đà Nẵng và Bờ Đông, công viên tại khu đất Đài phát sóng An Hải (quận Sơn Trà),

Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Thư viện khoa học Tổng hợp cấp vùng, Thư viện Khoa học Tổng hợp Khu vực phía Tây Bắc, phía Nam, phía Đông Nam, Quảng trường Trung tâm khu vực Tây Bắc thành phố...

- Phấn đấu 100% công trình thiết chế văn hóa cấp thành phố được đầu tư hoàn thiện; 50% Khu công nghiệp có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 100% Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện được đầu tư hoàn thiện, đạt tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 100% thư viện các quận, huyện được đầu tư đồng bộ, đạt chuẩn thư viện điện tử, có phòng đọc thiếu nhi, phòng đọc dành cho người khiếm thị, có hệ thống tra cứu thông tin, kết nối internet; phấn đấu 50% số đơn vị hành chính cấp quận, huyện có Nhà Văn hóa Thiếu nhi; 30% số đơn vị hành chính cấp quận, huyện có Nhà Văn hóa Lao động.

- Đầu tư, bổ sung các không gian mở, vườn dạo trong các khu dân cư nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho dân cư đô thị.

(Chi tiết theo Phụ lục XI)

2. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Đến năm 2030, trên địa bàn thành phố có 02 chợ bán buôn (Chợ đầu mối Hòa Phước, Chợ đầu mối thủy sản Thọ Quang) và Khu logistics, dịch vụ hỗ trợ chợ đầu mối và ngành bán buôn tại Hòa Phước. Quy hoạch sử dụng đất tại chợ đầu mối Hòa Cường sau khi được đầu tư thay thế đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng lại chợ Cồn; nâng cấp, cải tạo, mở rộng hoặc xây mới chợ Hàn, chợ Đống Đa, chợ Hòa Khánh, chợ Bắc Mỹ An và một số chợ khác trên địa bàn theo hướng duy trì chợ truyền thống văn minh, hiện đại.

- Đầu tư xây dựng Tổ hợp Thể thao, giải trí, thương mại Hòa Xuân (Sporthub), các trung tâm thương mại, siêu thị tại các quận, huyện, khu phi thuế quan, khu thương mại tự do và Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế hạng A (sau năm 2025). Vị trí nghiên cứu bố trí khu phi thuế quan nằm trên các tuyến giao thông liên khu vực kết nối khu logistics, cảng biển, sân bay như: tuyến Hoàng Văn Thái - Nguyễn Sinh Sắc - Nguyễn Tất Thành - Cảng Liên Chiểu; Hoàng Văn Thái - Nhà ga; Hoàng Văn Thái - Vành đai Tây 2 - Lê Đại Hành - Ga hàng không; tuyến phía Nam của vị trí 3 (28,3 ha) kết nối với trung tâm logistics trong Phân khu Đô thị Sườn đồi; tuyến LRT trên đường Hoàng Văn Thái.

(Chi tiết theo Phụ lục XII)

- Hình thành các cụm trung tâm logistics tập trung, trong đó có 01 trung tâm logistics cấp vùng và các cụm trung tâm logistics phụ trợ, cụ thể: (1) Trung tâm logistics Cảng Liên Chiểu (trung tâm logistics cấp vùng, hạng I); (2) Trung tâm logistics đường sắt; (3) Trung tâm logistics Khu công nghệ cao Đà Nẵng; (4) Trung tâm logistics Hòa Nhơn kết hợp cảng cạn; (5) Trung tâm logistics Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng. Đồng thời, phát triển các trung tâm logistics và các kho bãi khác tại các khu, cụm công nghiệp và trên các đường tránh của tuyến đường cao tốc (Trung tâm logistics Hòa Phước, Trung tâm logistics Hòa Phú, Trung tâm logistics Hòa Hiệp Bắc, v.v..).

- Hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt: Phát triển hệ thống kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG quy mô cấp quốc gia theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Phát triển 2 kho xăng dầu quy mô cấp tỉnh (dưới 5.000 m^3) tại khu vực quận Liên Chiểu và quận Sơn Trà và các trạm chiết nạp khí đốt quy mô nhỏ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Ngoài ra, xem xét theo nhu cầu thực tế, phát triển các kho xăng dầu, khí đốt với quy mô phù hợp và phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan. Đầu tư xây dựng tuyến đường ống Liên Chiểu - Hòa Liên (Hòa Vang) và các hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp tới các khu công nghiệp để cung cấp khí cho các hộ tiêu thụ trong khu công nghiệp, đường ống dẫn khí từ kho LNG đến các nhà máy điện, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hộ tiêu thụ...

(Chi tiết theo Phụ lục XII)

3. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Ưu tiên nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật về khoa học công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án: Khu làm việc và đào tạo khởi nghiệp; nâng cấp, mở rộng Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ. Tiếp tục hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo, không gian làm việc chung, khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo quy định; hình thành các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khu làm việc và đào tạo khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp, các quỹ đầu tư tại phân khu Công nghệ cao và phân khu Đổi mới sáng tạo. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ cho các đơn vị sự nghiệp công lập, đáp ứng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của thành phố và mục tiêu liên kết phát triển vùng, liên vùng.

4. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới, phát triển quy mô giáo dục - đào tạo theo hướng đa dạng hóa loại hình, đảm bảo định mức cháu/nhóm, học sinh/lớp theo quy định, đảm bảo 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày. Mở rộng cơ hội tiếp cận với giáo dục trung học phổ thông có chất lượng; đến năm 2030, mỗi quận, huyện có 1 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho 3 trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp. Kêu gọi đầu tư thành lập các trường quốc tế, trường liên cấp quốc tế.

- Mở rộng các trường đại học, cao đẳng, trung tâm nghiên cứu đào tạo hiện có, tập trung ở phía Nam thành phố, đặc biệt là Làng Đại học Đà Nẵng để tạo thành Khu đô thị Đại học mới. Phát triển Đại học Đà Nẵng thành Đại học Quốc gia, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và nghiên cứu khoa học đa ngành, đa lĩnh vực ngang tầm khu vực. Các trường đại học công lập và tư thục chủ động hội nhập sâu, rộng vào nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

- Hình thành mới một số cơ sở đào tạo dạy nghề, viện, trung tâm nghiên cứu chuyên ngành tại phân khu Công nghệ cao. Đến năm 2030, xây dựng 7 trường cao đẳng đào tạo nghề chất lượng cao, trong đó có 4 trường cao đẳng có một số nghề đạt cấp độ khu vực và quốc tế.

5. Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế đảm bảo tính cân đối, đồng bộ, kết nối, hiệu quả, đảm bảo người dân được tiếp cận thuận lợi. Mỗi khu đô thị có ít nhất một phòng khám đa khoa (trung tâm y tế và trung tâm chăm sóc sức khỏe). Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở (xã, phường); bổ sung đầy đủ trang thiết bị y tế theo chuẩn, đảm bảo nhu cầu sơ cứu, cấp cứu ban đầu và khám, điều trị các bệnh thông thường.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp thành phố và quận, huyện. Huy động các nguồn lực để thành lập các bệnh viện, trung tâm chuyên khoa sâu ứng dụng kỹ thuật cao; hình thành bệnh viện quốc tế tại phân khu Đổi mới sáng tạo để liên kết với các trường đại học y dược trong khu vực. Đến năm 2030, hình thành 01 bệnh viện hạng đặc biệt, ít nhất 02 bệnh viện đạt tiêu chuẩn cấp vùng và 02 bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nghiên cứu hình thành Trung tâm thương mại, phấn phối y dược phẩm.

- Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị y tế phù hợp với nhu cầu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Đến năm 2030, trình độ kỹ thuật về trang thiết bị y tế của Đà Nẵng ngang tầm với các nước trong khu vực; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ kiến thức khoa học công nghệ để khai thác, sử dụng các trang thiết bị y tế.

6. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ an sinh xã hội bền vững, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; trong đó chú trọng đảm bảo về chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về trợ giúp xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội, về dịch vụ việc làm.

- Bố trí quỹ đất phù hợp đảm bảo tương ứng về quy mô tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng bệnh nhân tâm thần tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần; thu hút đầu tư xây dựng mới cơ sở cai nghiện số 2, các Viện dưỡng lão.

(Chi tiết Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo, y tế, an sinh xã hội tại Phụ lục XIII)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đến năm 2030

- Đất nông nghiệp: diện tích 66.373,00 ha, giảm 4.888,27 ha

- Đất phi nông nghiệp: diện tích 61.677,96 ha, tăng 5.872,06 ha

- Đất chưa sử dụng: diện tích 422,00 ha, giảm 983,79 ha

(Chi tiết theo Phụ lục XIV, Bảng 15.1)

2. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 theo khu chức năng

- Khu sản xuất nông nghiệp: diện tích 4.595,99 ha, giảm 2.390,82 ha.

- Khu lâm nghiệp: diện tích 23.916,47 ha, giảm 8.260,80 ha.

- Khu du lịch: diện tích 4.718,10 ha, tăng 3.627,93 ha.

- Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: diện tích 34.130,00 ha, chiếm 26,57% diện tích tự nhiên, tăng 3.681,09 ha.

- Khu phát triển công nghiệp: diện tích 2.412,00 ha, tăng 912,08 ha

- Khu đô thị: diện tích 20.899,00 ha, tăng 5.615,86 ha.

- Khu thương mại - dịch vụ: diện tích 1.223,09 ha, tăng 320,31 ha.

- Khu dân cư nông thôn: diện tích 6.078,31 ha, giảm 3.505,63 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục XIV, Bảng 15.1)

3. Phương án chuyển mục đích sử dụng đất đến năm 2030

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: Phương án phân bổ đất đai đến năm 2030, thành phố Đà Nẵng có 4.906,44 ha đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: đến năm 2030, thành phố Đà Nẵng có 222,55 ha đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở.

(Chi tiết theo Phụ lục XIV, Bảng 15.2)

4. Phương án đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đến năm 2030

Đến năm 2030, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 983,79 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục XIV, Bảng 15.3)

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN

1. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn và quy hoạch vùng huyện Hòa Vang

Quy hoạch vùng huyện Hòa Vang bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Hòa Vang với tổng diện tích tự nhiên khoảng 73.317 ha, quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 430.000 người, trong đó dân số thường trú khoảng 380.000 người. Phấn đấu xây dựng huyện Hòa Vang đạt tiêu chí đô thị loại IV, đủ điều kiện trở thành Thị xã trực thuộc thành phố Đà Nẵng trong thời gian sớm nhất, trung tâm hành chính thị xã Hòa Vang dự kiến đặt tại xã Hòa Phong.

- Phân vùng không gian gồm 02 tiểu vùng dân cư nông thôn và một tiểu vùng sinh thái:

+ Tiểu vùng Đông Bắc gắn với tiểu vùng dân cư phía Bắc Hòa Vang, gồm 4 xã: Hòa Bắc, Hòa Liên, Hòa Ninh, Hòa Sơn. Khu vực phát triển trọng tâm nằm tại phía Đông khu công nghệ cao và dưới chân núi Bà Nà, trung tâm tiểu vùng tại khu vực xã Hòa Liên gắn với tổ hợp đô thị - công nghiệp công nghệ cao.

+ Tiểu vùng Đông Nam gắn với tiểu vùng dân cư phía Nam Hòa Vang, gồm 7 xã: Hòa Nhơn, Hòa Phú, Hòa Khương, Hòa Phong, Hòa Tiến, Hòa Châu, Hòa Phước. Trung tâm tiểu vùng đồng thời là huyện lỵ huyện Hòa Vang đặt tại xã Hòa Phong.

+ Tiểu vùng sinh thái phía Tây: khu vực rừng, núi và đồi phía Tây thuộc các xã: Hòa Bắc, Hòa Liên, Hòa Ninh, Hòa Phú, Hòa Khương.

- Tổ chức lại không gian, cơ cấu chức năng các khu vực đang trong quá trình đô thị hóa tiệm cận theo các tiêu chuẩn khu đô thị gắn với gìn giữ bản sắc kiến trúc truyền thống. Tạo lập các khu vực dự trữ phát triển cho các giai đoạn sau năm 2030, sau năm 2045. Khu vực nông thôn tập trung tại huyện Hòa Vang, bao gồm khu dân cư nông thôn, các làng nghề truyền thống được cải tạo, chỉnh trang, các khu nhà vườn gắn kết với các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái, cộng đồng, bảo tồn thiên nhiên, các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp hiện có.

- Bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học, địa hình, không gian xanh tự nhiên, phát triển hệ thống công viên, cây xanh, mặt nước nhằm tạo lập hình ảnh đặc trưng của thành phố.

- Phân vùng chức năng gồm 04 vùng:

+ Vùng công nghiệp công nghệ cao: định hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin tập trung, công nghiệp hỗ trợ thông qua việc khai thác lợi thế các khu công nghiệp, khu công nghệ thông tin, khu công nghệ cao có sẵn và hình thành các khu công nghiệp mới, mở rộng Khu công nghệ cao Đà Nẵng; hình thành các trọng điểm, đầu mối giao thương về công nghiệp, logistics cho toàn vùng.

+ Vùng phát triển dân cư: hình thành cụm dân cư tập trung với hệ thống hạ tầng cơ sở đồng bộ tại các tiểu vùng Đông Bắc, Đông Nam, đáp ứng nhu cầu ở của lực lượng lao động trong vùng.

+ Vùng du lịch sinh thái: phát triển mô hình du lịch sinh thái gắn với nghỉ dưỡng và cộng đồng với trọng điểm là khu vực Tây Nam (xã Hòa Ninh, Hòa Phú và Hòa Khương) và khu vực Tây Bắc (xã Hòa Bắc).

+ Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: khai thác vùng sản xuất phía Nam thuộc các xã Hòa Phú, Hòa Khương, Hòa Phong, Hòa Nhơn phát triển mô hình nông nghiệp hữu có, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao kết hợp với loại hình du lịch nông nghiệp.

2. Quy hoạch vùng huyện Hoàng Sa

Định hướng phát triển huyện đảo Hoàng Sa kết hợp đẩy mạnh khai thác tiềm năng phát triển kinh tế biển gắn với tạo lập và xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh

trên biển vững chắc và rộng khắp; bảo đảm an ninh, an toàn hàng hải trên biển; kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam bằng phương pháp hòa bình, trên cơ sở pháp lý và bằng chứng lịch sử, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, trong đó có Tuyên bố về ứng xử của các Bên trên biển Đông (DOC) và Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt cho thành phố Đà Nẵng; các khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa, Sơn Trà, khu bảo vệ cảnh quan Nam Hải Vân; huyện Hoàng Sa.

- Vùng hạn chế phát thải: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt (nếu có); vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng bảo vệ khác: các khu vực còn lại trên địa bàn thành phố.

b) Phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Khu vực đa dạng sinh học cao, bao gồm: hệ sinh thái rừng tự nhiên, hệ sinh thái ven biển, quy hoạch bảo vệ và phát triển đất ngập nước nội địa.

- Các vùng đất ngập nước quan trọng gồm: Hồ Đồng Nghệ, Hồ Hòa Trung, Hồ Trước Đông, Hồ Hóc Khế.

- Các khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa, khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, khu bảo vệ cảnh quan Nam Hải Vân.

c) Phương án phát triển bền vững rừng

Tổng diện tích đất lâm nghiệp được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy

hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 là 60.881 ha, trong đó: diện tích rừng đặc dụng là 34.130 ha; diện tích rừng phòng hộ là 11.778 ha và diện tích rừng sản xuất là 14.973 ha.

Tổng diện tích quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2030 là 56.763,2 ha, phân bổ trên 04 quận, huyện Hòa Vang, Sơn Trà, Liên Chiểu và Cẩm Lệ, trong đó: diện tích rừng đặc dụng là 34.130 ha; diện tích rừng phòng hộ là 11.778 ha và diện tích rừng sản xuất là 10.855,2 ha.

d) Phương án phát triển các khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng

Khai thác, cải tạo, nâng cấp các nghĩa trang hiện có theo hướng sử dụng đất tiết kiệm, văn minh, hiện đại. Có phương án di dời các khu nghĩa trang nằm xen kẽ trong khu dân cư về các khu nghĩa trang tập trung theo quy hoạch. Hình thành các cơ sở hỏa táng mới để đáp ứng nhu cầu táng trong tương lai. Bố trí nhà tang lễ bảo đảm phân bố phù hợp trên địa bàn các quận, huyện.

(Chi tiết theo Phụ lục X)

2. Phương án quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản

- Đá xây dựng: quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng đá xây dựng tại 14 khu vực, tổng diện tích 452,3 ha, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo quy hoạch là 87.324.500 m^3.

- Đất san lấp: quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng đất san lấp tại 16 khu vực, tổng diện tích 872,04 ha, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo quy hoạch là 87.240.000 m^3 phân bố trên địa bàn huyện Hòa Vang.

(Chi tiết theo Phụ lục XV)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Trong mọi trường hợp, ưu tiên đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt.

- Trong điều kiện bình thường, thực hiện phân phối đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các ngành theo nhu cầu đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước. Thứ tự ưu tiên: (1) Cấp nước sinh hoạt; (2) Cấp nước nông nghiệp; (3) Cấp nước công nghiệp; (4) Cấp nước môi trường; (5) Giao thông thủy.

- Trong trường hợp hạn hán thiếu nước, hạn chế phân phối nguồn nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước, chưa cấp thiết để ưu tiên cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Nguồn nước chính phân bổ cho các nhu cầu dùng nước sinh hoạt của thành phố Đà Nẵng là nguồn nước mặt sông Vu Gia - Thu Bồn (sông liên tỉnh) và lưu vực sông Cu Đê (sông nội tỉnh), trong đó:

+ Phân bổ nguồn nước sông Vu Gia (nhánh sông Yên) tại đập An Trạch và tại Cầu Đỏ để duy trì công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ, Nhà máy nước Sân Bay từ 320.000 m^3/ngày đêm lên 420.000 m^3/ngày đêm giai đoạn 2030 - 2050.

+ Nghiên cứu phân bổ nguồn nước tại Sông Vu Gia (nhánh sông tại An Trạch - Bàu Nít - Hà Thanh) hoặc sông Thu Bồn (dự kiến tại Giao Thủy) để xây dựng nhà máy nước mới với công suất 120.000 m^3/ngày đêm vào năm 2030 và đến 240.000 m^3/ngày đêm vào năm 2050.

+ Phân bổ nguồn nước sông Cu Đê tại Nam Mỹ và Hồ Sông Bắc (đầu tư xây dựng mới Hồ Sông Bắc với dung tích 50 triệu m^3) để đáp ứng công suất khai thác của nhà máy nước Hòa Liên từ 120.000 m^3/ngày đêm lên 240.000 m^3/ngày đêm vào năm 2030 và đạt 400.000 m^3/ngày đêm vào năm 2050.

+ Phân bổ nguồn nước Hồ Hòa Trung từ 10.000 m^3/ngày lên 20.000 m^3/ngày đêm giai đoạn 2025 - 2030 và dừng khai thác vào năm 2050.

+ Phân bổ nguồn nước tại Suối Đá, Suối Tình để duy trì công suất khai thác của Nhà máy nước Sơn Trà I, II đến năm 2030 là 7.000 m^3/ngày đêm và dừng khai thác hoàn toàn vào giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050.

+ Phân bổ nguồn nước Suối Lương để duy trì công suất Nhà máy nước Hải Vân đến năm 2030 là 5.000 m^3/ngày đêm và dừng khai thác hoàn toàn vào giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050.

- Nước dự phòng, dự trữ cấp cho nhu cầu dùng nước được khai thác tại các hồ: Hòa Trung, Đồng Nghệ và Sông Bắc (sau khi xây dựng) và nước dưới đất.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn

- Vùng bị ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh: toàn bộ vùng đất liền và trên biển, khu vực nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng là quận Liên Chiểu, huyện Hòa Vang.

- Vùng bị ảnh hưởng của lũ, lũ quét, ngập lụt: các khu vực ven sông Yên, Túy Loan, Quá Giáng, Vĩnh Điện, Cu Đê…

- Vùng bị ảnh hưởng sạt lở đất, đá: huyện Hòa Vang (các xã miền núi và trung du: Hòa Phú, Hòa Bắc, Hòa Sơn, Hòa Ninh, Hòa Nhơn và Hòa Liên); quận Liên Chiểu (phường Hòa Hiệp Bắc); quận Sơn Trà (phường Thọ Quang); quận Cẩm Lệ (phường Hòa Thọ Tây).

- Vùng bị ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, xâm thực biển: bờ biển các quận Liên Chiểu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn với chiều dài khoảng 30km.

- Vùng bị ảnh hưởng sạt lở ven sông: các xã, phường dọc theo các sông Yên, sông Cu Đê, sông Túy Loan, sông Quá Giáng, sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ, sông Vĩnh Điện.

- Phạm vi ảnh hưởng của sóng thần: các quận ven biển Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê, Liên Chiểu; Biển Đông và huyện đảo Hoàng Sa.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Củng cố, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống kè sông, kè biển (dọc vịnh Đà Nẵng, kè biển khu đô thị Đa Phước, kè Nam Ô) đảm bảo chịu được mức bão trên cấp 12, tần suất P = 1%, đồng thời có tính đến hiện tượng nước biển dâng do biến đổi khí hậu toàn cầu. Tăng cường tu bổ hệ thống đê, kè chống lũ đảm bảo tiêu chuẩn chống lũ cho các sông.

X. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, xác định các dự án lớn có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết theo Phụ lục XVI)

XI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút đầu tư

- Giai đoạn 2021 - 2030 dự kiến cần huy động khoảng 800 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư phát triển (theo giá hiện hành), đạt khoảng 40% GRDP, trong đó vốn đầu tư khu vực kinh tế Nhà nước chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư (giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 25 - 30% và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 20 - 25%); vốn đầu tư khu vực kinh tế ngoài Nhà nước cần huy động ở mức cao, dự kiến khoảng 60 - 65% tổng vốn đầu tư; thu hút vốn FDI khoảng 10 - 15% tổng vốn đầu tư.

- Tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để đẩy mạnh thực hiện các công trình, dự án động lực, trọng điểm mang tính động lực, đảm bảo tính

đồng bộ, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong nước và quốc tế; tăng cường áp dụng các hình thức PPP trong đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Tiếp tục tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính và quy hoạch, đất đai theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án. Tập trung nghiên cứu cơ chế huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; ban hành các cơ chế chính sách đặc thù mới để tạo động lực xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị.

- Rà soát quỹ đất để có phương án quy hoạch, kêu gọi đầu tư phù hợp; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh khơi thông nguồn lực; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ đất đai.

- Tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, trọng điểm phù hợp với định hướng phát triển thành phố và các ngành mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến, quản trị hiện đại… Mở rộng kết nối thị trường trong nước và ngoài nước; tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần nâng cao năng suất lao động, trình độ công nghệ của nền kinh tế, năng lực cạnh tranh của thành phố, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng Cách mạng công nghệ lần thứ tư.

2. Về phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai có hiệu quả Đề án thu hút nguồn nhân lực khu vực công và đề án phát triển nguồn nhân lực khu vực tư để thu hút lao động chất lượng cao cho các ngành kinh tế mũi nhọn.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực thông qua kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, bổ sung cơ sở vật chất để thực hành đầy đủ và chuyên sâu, xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với thực tế, sử dụng những chuyên gia của doanh nghiệp hướng dẫn thực hành có kỹ năng tay nghề cao…

- Tiếp tục thực hiện các chính sách về dạy nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn; dạy nghề cho lao động thuộc hộ di dời, giải tỏa mất đất sản xuất; các

chính sách về tài chính như: đầu tư không hoàn lại, cho vay lãi suất ưu đãi… đối với các mô hình sản xuất, kinh doanh mới, có hiệu quả và tạo nhiều việc làm.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực; triển khai thực hiện Đề án Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực và thông tin thị trường lao động; thu thập chính xác, đầy đủ thông tin dữ liệu cung - cầu lao động từ các doanh nghiệp, hiệp hội, các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động.

- Tổ chức hiệu quả các sàn giao dịch việc làm định kỳ; tăng số lượng các phiên giao dịch việc làm di động ở các địa phương, các trường đại học, trường nghề để kết nối người học với các doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, tư vấn nghề nghiệp, kỹ năng phỏng vấn, chọn lựa công việc…

- Giải quyết tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp, kết hợp việc giải quyết thất nghiệp và tư vấn giới thiệu việc làm, dạy nghề. Nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động.

3. Về bảo vệ môi trường, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Về bảo vệ môi trường

- Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường; thúc đẩy thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm môi trường trong khu vực đô thị, các khu dân cư. Tăng cường bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Đầu tư mới hoặc chuyển đổi công nghệ của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt sang công nghệ xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng, ưu tiên áp dụng công nghệ có hiệu quả tối ưu về tiêu chí chất lượng môi trường, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, khuyến khích, phát triển sử dụng năng lượng mới đem lại hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường, tăng cường kiểm tra, thanh tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường, tập trung vào các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và có giải pháp nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp dân cư, khách đến du lịch và công tác tại thành phố nhằm xây dựng môi trường sống xanh sạch đẹp, an ninh, an toàn, văn minh cho người dân và du khách, góp phần phát triển du lịch xanh, bền vững.

b) Về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Triển khai có hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Đẩy mạnh hiệu quả hỗ trợ nâng cao năng lực và sức cạnh tranh cho doanh nghiệp thông qua đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ. Phát triển về số lượng và chất lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục xây dựng cơ chế chính sách nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong hệ sinh thái.

c) Về chuyển đổi số

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố và Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, gắn liền với triển khai Đề án xây dựng thành phố thông minh giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện quản lý quy hoạch đô thị thông minh dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị số hóa, các công cụ phân tích dữ liệu, dự báo. Quản lý, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, Kiến trúc Thành phố thông minh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và yêu cầu phát triển Chính phủ số, Thành phố thông minh.

4. Về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Tập trung triển khai liên kết vùng và hợp tác quốc tế đối với một số lĩnh vực được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố như: du lịch, công nghệ thông tin, logistics...

- Thực hiện tốt các hoạt động liên kết giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; phối hợp xây dựng chiến lược phát triển kinh tế với mục tiêu xác định các ưu tiên trọng điểm cho mỗi địa phương gắn với lợi thế cạnh tranh của toàn vùng về khai thác, sử dụng hệ thống cảng biển, các sản phẩm công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; dịch vụ logistics, liên kết phát triển du lịch…

- Tăng cường hợp tác phát triển trong lĩnh vực đầu tư, logistics, thương mại, du lịch… thông qua các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây kết nối giữa Đà Nẵng, các địa phương trên tuyến tại Việt Nam với các tỉnh Nam Trung Lào, Đông Bắc Thái Lan, Myanmar.

- Cải tiến và tạo môi trường thông thoáng để thu hút các nguồn đầu tư và viện trợ nước ngoài thông qua tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các tổ chức quốc tế, các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài, các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

- Tích cực tham gia xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, du lịch và các hoạt động văn hóa đối ngoại của địa phương. Tăng cường phối hợp với Bộ Ngoại giao, Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Ban Điều phối viện trợ nhân dân (PACCOM) và các bộ, ngành Trung ương có liên quan trong việc giới thiệu, điều phối các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ về địa phương để tăng nguồn lực cho đầu tư phát triển.

5. Về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Nâng cao chất lượng quản lý quy hoạch xây dựng và trật tự xây dựng, tập trung quản lý quy hoạch, kiến trúc đi vào chiều sâu, hướng tới xây dựng các đô thị xanh, thành phố thông minh; tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình và thủ tục hành chính về quản lý quy hoạch kiến trúc.

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn lực quỹ đất, bảo vệ, sử dụng đất tiết kiệm, chuyển đổi hợp lý đất đai, đem lại hiệu quả kinh tế cao, gắn lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường, đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố một cách ổn định và bền vững.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

6. Về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Kịp thời tổ chức công bố công khai quy hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch, thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời phát hiện các vướng mắc để điều chỉnh cho phù hợp, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

- Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt và nhu cầu của thị trường nhằm phát huy, khai thác có hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của từng vùng và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, kết nối định hướng phát triển ngành, lãnh thổ và liên kết vùng; đồng thời đảm bảo thống nhất và liên kết giữa các quy hoạch.

- Xúc tiến đầu tư theo trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên triển khai các dự án động lực, đem lại hiệu quả kinh tế cao, có khả năng thu hồi vốn nhanh, có sức lan tỏa tới các dự án khác.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch ở các cấp, các ngành; kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các quy hoạch. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường giám sát thực hiện quy hoạch, kịp thời phát hiện, phản ánh với cơ quan có thẩm quyền các hành vi sai trái, ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch để xử lý theo quy định.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành nhằm tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch một cách hiệu lực, hiệu quả.

XII. BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục bản đồ Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XVII.

Điều 2.

1. Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ, cơ sở để triển khai lập các quy hoạch đô thị,

nông thôn và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án trên địa bàn phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan; đồng thời, người chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư phù hợp với tiến độ, tình hình thực tế và phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật có liên quan.

Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch thành phố được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

Điều 3.

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

a) Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để thống nhất với Quyết định phê duyệt quy hoạch; cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.

b) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; lập Kế hoạch 5 năm, hằng

năm, các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để triển khai thực hiện Quy hoạch; tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển và theo quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

đ) Thực hiện các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường khi triển khai các dự án thực hiện Quy hoạch, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững; tổ chức quan trắc, giám sát, quản lý môi trường; lưu giữ cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ quá trình chuyển đổi số trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

e) Thực hiện rà soát nội dung Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác; (ii) phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này; bảo đảm tính đồng bộ, không chồng lấn, xung đột giữa các nội dung của các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định pháp luật có liên quan; (iii) nội dung tiếp thu, giải trình, bảo lưu ý kiến của các bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình tham gia ý kiến, thẩm định và rà soát hồ sơ quy hoạch; (iv) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Điều 4. Các bộ, cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong quá trình

thực hiện Quy hoạch; trường hợp cần thiết, phối hợp với thành phố nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO, CÁC KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghệ cao, khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng	2030 (dự kiến)
A	**Các khu công nghiệp phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (2.412 ha)**			
I	**Các KCN đã thành lập**		**1.135,91**	**1.085,81**
1	Khu công nghiệp Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	50,1	-
2	Khu công nghiệp Hòa Khánh	Quận Liên Chiểu	394	394
3	Khu công nghiệp Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	289,35	289,35
4	Khu công nghiệp Hòa Cầm	Quận Cẩm Lệ	149,84	149,84
5	Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng	Quận Liên Chiểu	132,6	132,6
6	Khu công nghiệp Hòa Cầm - giai đoạn 2 (đã có quyết định chấp thuận CTĐT)	Quận Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	120,02	120,02
II	**Các KCN có trong quy hoạch**		**695,6**	**637,02**
1	Khu công nghiệp Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang	237,00	237,00
2	Khu công nghiệp Hòa Ninh	Huyện Hòa Vang	400,02	400,02
3	Khu công nghiệp hỗ trợ Khu Công nghệ cao	Huyện Hòa Vang	58,53	-
III	**KCN quy hoạch mới (bổ sung)**			**456,42**
1	KCN Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	-	456,42
	Tổng cộng		**1.831,46**	**2.179,25**
B	**Khu Công nghệ cao phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ**			
1	Khu công nghệ cao	Huyện Hòa Vang	1.128,4	1.130
C	**Dự kiến mở rộng khu công nghệ cao khi thành phố được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đảm bảo các điều kiện theo quy định**			
1	Mở rộng khu công nghệ cao (đã thành lập)	Huyện Hòa Vang		1.710

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp, khu công nghệ cao sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghệ thông tin tập trung	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng	2030 (dự kiến)
I	**Các khu đang hoạt động**			
1	Khu Công nghệ thông tin tập trung Công viên phần mềm Đà Nẵng	Quận Hải Châu	1,088	1,088
2	Khu Công nghệ thông tin tập trung	Huyện Hòa Vang	131,093	131,093
3	Khu Công nghệ thông tin tập trung - Khu phức hợp Văn phòng FPT	Quận Ngũ Hành Sơn	5,93	5,93
II	**Các khu đang xây dựng**			
1	Khu Công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1)	Quận Hải Châu		2,857
III	**Một số khu dự kiến quy hoạch mới**			
1	Không gian sáng tạo phường Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ		17,298
2	Tòa nhà Viettel Đà Nẵng	Quận Hải Châu		1,076
3	Khu Công nghệ thông tin DanangBay	Quận Liên Chiểu		3,519
	Tổng cộng			**162,864**

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Khu Công nghệ thông tin tập trung sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư. Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)			Tiến độ đầu tư dự kiến
			2020	Đến năm 2030	Sau năm 2030	
I	**Cụm công nghiệp hiện có**		**39,59**	**29,09**	**29,09**	
1	Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng	Huyện Hòa Vang	29,59	-	-	
2	Cụm công nghiệp Cẩm Lệ	Quận Cẩm Lệ	10,0	29,09	29,09	2021 - 2030
II	**Cụm công nghiệp quy hoạch mới**		**-**	**503,8**	**728,8**	
1	Cụm công nghiệp Hòa Khánh Nam	Quận Liên Chiểu	-	13,29	13,29	2023 - 2030
2	Cụm công nghiệp Sơn Trà	Quận Sơn Trà		50,63	50,63	2023 - 2030
3	Cụm công nghiệp Hòa Liên (*)	Huyện Hòa Vang	-	58,53	58,53	2023 - 2030
4	Cụm công nghiệp Hòa Liên 2	Huyện Hòa Vang	-	50,0	50,0	2023 - 2030
5	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang	-	24,75	24,75	2023 - 2030
6	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 1 (Cụm công nghiệp Chế biến thực phẩm)	Huyện Hòa Vang	-	44,0	44,0	2023 - 2030
7	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 2	Huyện Hòa Vang	-	75,0	75,0	2023 - 2030
8	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 3	Huyện Hòa Vang	-	46,0	46,0	2023 - 2030
9	CCN Sản xuất thô đá mỹ nghệ Non Nước	Huyện Hòa Vang	-	47,0	47,0	2023 - 2030
10	CCN Sản xuất vật liệu xây dựng	Huyện Hòa Vang	-	75,0	75,0	2023 - 2030

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)			Tiến độ đầu tư dự kiến
			2020	Đến năm 2030	Sau năm 2030	
11	Cụm công nghiệp Nam Sơn	Huyện Hòa Vang	-	19,6	19,6	2023 - 2030
12	Cụm công nghiệp Nam Sơn 2	Huyện Hòa Vang	-	-	75,0	2031 - 2050
13	Cụm công nghiệp Hòa Vang 1	Huyện Hòa Vang	-	-	75,0	2031 - 2050
14	Cụm công nghiệp Hòa Vang 2	Huyện Hòa Vang	-	-	75,0	2031 - 2050
	Tổng cộng		**39,59**	**532,89**	**757,89**	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

(*) Hình thành trên cơ sở chuyển đổi từ KCN hỗ trợ Khu CNC (Khu phụ trợ phục vụ Khu CNC Đà Nẵng)

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU THỂ THAO, SÂN GÔN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến
I	**Các khu thể thao**		
1.1	**Các khu hiện có**		
1	Cải tạo, nâng cấp Bể bơi thành tích cao	Quận Hải Châu	8.871 m^2
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà tập võ Taekwondo	Quận Hải Châu	9.555 m^2
3	Tiếp tục đầu tư hoàn thiện Khu liên hợp thể thao Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	28,7 ha
1.2	**Các khu dự kiến đầu tư xây dựng mới**		
1	Trung tâm huấn luyện và đào tạo Taekwondo khu vực miền Trung tại thành phố Đà Nẵng	Quận Liên Chiểu	2 ha
2	Trung tâm thể thao chất lượng cao tại Khu vực Tây Bắc thành phố	Quận Liên Chiểu	2 ha
3	Câu lạc bộ thể thao biển	Quận Ngũ Hành Sơn	26.215 m^2
4	Tổ hợp thể thao, giải trí và thương mại Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	34 ha
5	Trường đua ngựa	Huyện Hòa Vang	42,5 ha
6	Trung tâm huấn luyện Đấu kiếm quốc tế tại Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2 ha
II	**Các sân gôn**		
2.1	**Các khu đang thực hiện**		
1	Bà Nà Hills Golf Club	Huyện Hòa Vang	165 ha
2	BRG Da Nang Golf Resort	Q. Ngũ Hành Sơn	200 ha
3	BRG Golf Club	Q. Ngũ Hành Sơn	150 ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến
2.2	**Các khu vực tiềm năng dự kiến phát triển sân gôn**		
1	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hồ Hòa Trung	Huyện Hòa Vang	200 ha
2	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Liên - Hòa Bắc	Huyện Hòa Vang	200 ha
3	Khu phức hợp khách sạn, sân golf Hòa Phong - Hòa Phú	Huyện Hòa Vang	551 ha
4	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Phú - Hòa Nhơn (cuối tuyến Bà Nà - Suối Mơ)	Huyện Hòa Vang	270 ha

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đồng thời không vượt chỉ tiêu phân bổ đất đai đã được duyệt và đảm bảo yếu tố quốc phòng, an ninh. Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 5.1: Các tuyến đường bộ đối ngoại

TT	Tuyến đường trong địa phận TP Đà Nẵng	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)[1]	Quy mô tối thiểu (làn xe)	Lộ trình đầu tư		
						2022 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030
I	**Cao tốc Bắc Nam (CT.01)**							
1	La Sơn (Thừa Thiên Huế) - Hòa Liên (Đà Nẵng)	Giáp huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang	29,7	6		MR (4 làn)	MR (6 làn)
2	Hòa Liên - Túy Loan (Đà Nẵng)	Xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	12,3	6	MR (4 làn)		MR (6 làn)
3	Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	Giáp thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	7,8	6			MR
II	**Cao tốc Đà Nẵng - Kon Tum (CT.21)**	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cửa khẩu Bờ Y, tỉnh Kon Tum	3,5	4			XM
III	**Quốc lộ 1A**	Quận Liên Chiểu	Huyện Hòa Vang	37,2	4-6			

TT	Tuyến đường trong địa phận TP Đà Nẵng	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)(1)	Quy mô tối thiểu (làn xe)	Lộ trình đầu tư		
						2022 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030
IV	**Quốc lộ 14B**			32,1	6			
	Đoạn Km0+00 (Cảng Tiên Sa) - Km24+100	Cảng Tiên Sa, quận Sơn Trà	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, huyện Hòa Vang	24,1	6			
	Đoạn Km24+100 - Km32+126 (giáp Quảng Nam)	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, huyện Hòa Vang	Giáp huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	8	4-6	MR		
V	**Quốc lộ 14G**	Quốc lộ 14B, huyện Hòa Vang	Giáp huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	25	2		MR	
VI	**Vành đai phía Nam**				4-6			
	Cầu Cổ Cò - QL. 1A	Đường Trường Sa, quận Ngũ Hành Sơn	Quốc lộ 1, huyện Hòa Vang	7,7	6		MR	
	QL.1A - QL.14B	Quốc lộ 1, huyện Hòa Vang	Quốc lộ 14B, huyện Hòa Vang	6,4	6		MR	
VII	**Vành đai phía Tây**	Quốc lộ 14B, huyện Hòa Vang	Đường cao tốc đoạn Hòa Liên - Túy Loan, huyện Hòa Vang	21	4-6	XM		

(1): Chỉ tính chiều dài dự kiến trong địa phận thành phố Đà Nẵng

MR: Mở rộng; XM: Xây mới

Bảng 5.2. Dự án đầu tư cải tạo và xây dựng đường bộ theo giai đoạn

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Phân kỳ đầu tư	Phương án
I	**Đường trục chính đô thị**				
1	Vành đai Tây 2	Đường 601	ĐT605	2021 - 2030	Làm mới
2	Vành đai Tây 1	Nguyễn Tất Thành nối dài	Lê Văn Hiến	2021 - 2030	Làm mới Cải tạo, mở rộng
3	Vành đai phía Tây	Đường HCM	QL14B	2021 - 2030 2031 - 2045	Làm mới Cải tạo, mở rộng
4	Hòa Phước - Hòa Khương	QL14B	QL1	2031 - 2045	Cải tạo, mở rộng
5	ĐT 605	Vành đai Tây 2	Giáp Quảng Nam	2021 - 2030	Cải tạo, mở rộng
6	Bà Nà Suối Mơ Nối Dài	Bà Nà Suối Mơ	Vành đai phía Tây	2021 - 2030	Làm mới
7	Đường nối Vành đai Tây 2 tới cao tốc	Vành Đai Tây 2	Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	2031 - 2045	Làm mới
8	Tuyến ngầm xuyên sân bay bằng hầm đường bộ	Vành đai tây 2	Duy Tân	2021 - 2030	Làm mới
9	Đường Võ Chí Công nối dài	Võ Chí Công	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2021 - 2030	Làm mới
II	**Đường chính đô thị**				
10	Đường nối từ Đường số 2 khu CN Hòa Khánh qua nghĩa trang thành phố và ga Đà Nẵng mới	Đường số 2 KCN Hòa Khánh	Đường vành đai Tây 1	2021 - 2030	Làm mới

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Phân kỳ đầu tư	Phương án
III	**Đường liên khu vực dự kiến (*)**				
11	Đường giữa Vành đai tây và Vành đai tây 1	Đường Trung Tâm	Vành đai tây	2021 - 2030	Làm mới
12	Nguyễn Sinh Sắc nối dài	QL1	Hoàng Văn Thái	2021 - 2030	Làm mới
13	Lê Trọng Tấn	QL1	Vành đai tây 2	2021 - 2030	Cải tạo, mở rộng
14	Lê Trọng Tấn	Vành đai tây 2	Hoàng Văn Thái	2021 - 2030	Cải tạo, mở rộng
15	Đường kết nối QL14B với KCN Hòa Nhơn	QL14B	KCN Hòa Nhơn	2021 - 2030	Làm mới
16	Đường kết nối Vành đai tây 1 với KCN Hòa Nhơn	Vành đai tây 1	KCN Hòa Nhơn	2021 - 2030	Làm mới
17	Đường 3/2 kéo dài	Nguyễn Tất Thành	Biển	2021 - 2030	Làm mới
18	Đống Đa nối Lê Duẩn	Đống Đa	Lê Duẩn	2021 - 2030	Làm mới
19	Hầm qua sông Hàn	Đống Đa	Vân Đồn	2031-2045	Làm mới
20	Nguyễn Phước Lan nối dài	Mai Đăng Chơn	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2021 - 2030	Làm mới
21	Đường Ngô Xuân Thu	QL1	Đường ven sông Cu Đê	2021 - 2030	Cải tạo, mở rộng
22	Đường Ngô Xuân Thu nối dài đi xã Hòa Bắc	Đường ven sông Cu Đê	ĐT 601	2021 - 2030	Làm mới, cải tạo, mở rộng
IV	**Đường gom cho cao tốc**				
23	Đường gom hai bên cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Nút giao 14B	X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang (giáp Quảng Nam)	2021 - 2030	Làm mới

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Phân kỳ đầu tư	Phương án
V	**Đường nối vào các cảng biển, cảng cạn và trung tâm logistics**				
24	Đường nối vào cảng Liên Chiểu từ QL1A	QL1A	Cảng Liên Chiểu	2030 - 2050	Làm mới
25	Đường nối vào các trung tâm logistics và cảng cạn	Theo phương án và tiến độ đầu tư các trung tâm logistics			Làm mới, cải tạo, mở rộng

Ghi chú: (*) Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Bảng 5.3. Các nút giao thông chính khác mức

TT	Tên nút giao	Kiểu giao cắt
	Giao cắt đường bộ và đường sắt quốc gia quy hoạch	
1	Nút giao đường sắt với đường Vành đai Tây	Đường sắt với đường trục chính
2	Nút giao đường sắt với đường Nguyễn Tất Thành nối dài	Đường sắt với đường trục chính
3	Nút giao đường sắt với ĐT 602	Đường sắt với đường trục chính
4	Nút giao đường sắt với đường trục nối với KCN Hòa Khánh	Đường sắt với đường trục chính
5	Nút giao đường sắt với đường Hoàng Văn Thái	Đường sắt với đường trục chính
6	Nút giao đường sắt với đường nối từ QL14B đến Tuyến đường Vành đai Tây 1	Đường sắt với đường trục chính
7	Nút giao đường sắt với QL14B	Đường sắt với đường trục chính
8	Nút giao đường sắt với đường nối từ KCN Hòa Cầm đến cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (đường Hòa Cầm 1)	Đường sắt với đường trục chính
9	Nút giao đường sắt với Tuyến đường Vành đai Tây 1	Đường sắt với đường trục chính

TT	Tên nút giao	Kiểu giao cắt
10	Nút giao đường sắt với ĐT 605	Đường sắt với đường trục chính
11	Nút giao đường sắt với đường Hòa Phước - Hòa Khương	Đường sắt với đường trục chính
12	Giao giữa tuyến Đường sắt Đà Nẵng - Kon Tum với Vành đai phía Nam	Đường sắt với đường vành đai

Bảng 5.4. Danh sách các tuyến MRT và LRT

TT	Ký hiệu/tên gọi tuyến	Hướng tuyến dự kiến
1	MRT1	Bến xe phía Bắc (quy hoạch) - Nguyễn Tất Thành nối dài - KCN Hòa Khánh - Vành đai Tây 2 - đi ngầm qua sân bay Đà Nẵng - Nguyễn Hữu Thọ - Nguyễn Tri Phương (Công viên 29.3) - Lê Duẩn - Điểm trung chuyển trung tâm (ga Đà Nẵng hiện tại)
2	MRT2	Cao đẳng Việt Hàn - đường Trần Đại Nghĩa - đường Lê Văn Hiến - đường Ngũ Hành Sơn - đường Ngô Quyền - đường Trần Thánh Tông - qua sông Hàn - Cảng sông Hàn - Đống Đa - điểm trung chuyển trung tâm (Ga Đà Nẵng hiện tại)
3	LRT1	Công viên 29.3 - Hùng Vương - chợ Hàn
4	LRT2	Duy Tân - qua sông Hàn - Nguyễn Văn Thoại - Bãi biển Mỹ Khê
5	LRT3	Ga Đà Nẵng mới - đường số 2 KCN Hòa Khánh - biển Nguyễn Tất Thành
6	LRT4	CHKQT Đà Nẵng - Nguyễn Văn Linh - sông Hàn - Võ Văn Kiệt - bãi biển Mỹ Khê
7	LRT5	Ngã 3 đường sắt quốc gia gần hồ Bàu Tràng - QL1A phía Tây sân bay - đường Trường Chinh - QL1A - Bến xe phía Nam hiện tại
8	LRT6	Bến xe phía Tây Nam quy hoạch - trung tâm hành chính huyện Hòa Vang - QL14B - đường 2/9 - chân cầu Trần Thị Lý
9	LRT 07	Ga Đà Nẵng hiện tại - đường sắt quốc gia hiện tại - ngã 3 Huế - đường Hoàng Thị Loan - bám theo đường sắt quốc gia hiện tại - Khu đô thị cảng Liên Chiểu

TT	Ký hiệu/tên gọi tuyến	Hướng tuyến dự kiến
10	LRT 08	Nút giao đường Nguyễn Hữu Thọ với Duy Tân - đường Võ Chí Công - khu vực Bãi tắm Tân Trà (đường Trường Sa)
11	LRT 09	Cuối đường Nguyễn Tất Thành (kết nối với tuyến LRT06 và tuyến du lịch ven vịnh Đà Nẵng) - Nguyễn Tất Thành nối dài đi qua Khu CNTT tập trung - dọc tuyến đường quy hoạch giữa đường cao tốc Quốc gia và đường Vành Đai Tây - Trung tâm hành chính Hòa Vang - Khu liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân - Minh Mạng
12	LRT 10	Khu đô thị du lịch Bà Nà - đường Bà Nà Suối Mơ - ga Đà Nẵng (quy hoạch) - đường Hoàng Văn Thái - đường Nguyễn Sinh Sắc - Bờ biển Nguyễn Tất Thành
13	LRT 11	Bến xe phía Nam - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Cao đẳng Việt Hàn
14	LRT du lịch sông Hàn	Bạch Đằng - cảng sông Hàn - qua sông Hàn - Vân Đồn - Trần Hưng Đạo - qua sông Hàn (song song cầu Trần Thị Lý) - đường 2/9 - Bạch Đằng
15	LRT du lịch bờ biển Mỹ Khê - Phạm Văn Đồng	Nút giao Võ Quý Huân với Trường Sa - Trường Sa - Võ Nguyên Giáp - Hoàng Sa - Lê Đức Thọ - Yết Kiêu - cảng Tiên Sa
16	LRT du lịch bờ biển Nguyễn Tất Thành	Nút giao đường Nguyễn Tất Thành nối dài với Nguyễn Tất Thành - dọc bờ biển Nguyễn Tất Thành - đường 3.2

Bảng 5.5. Danh sách các ga trung chuyển chính của hệ thống MRT và LRT

a) Danh sách các điểm trung chuyển cấp 1 của mạng lưới MRT, LRT

TT	Tên điểm trung chuyển	Vị trí dự kiến	Các tuyến LRT chạy qua
1	Ga trung chuyển Trung tâm	Ga Đà Nẵng hiện tại (sau khi di dời). Bố trí nổi, ngầm	MRT02, LRT 07
2	Ga trung chuyển Cảng sông Hàn	Đường Như Nguyệt cạnh Cảng sông Hàn. Bố trí nổi, ngầm	MRT02, tuyến vận tải du lịch mặt đất số 2, các tuyến vận tải hành khách đường thủy nội địa (tuyến du lịch, nội tỉnh và liên tỉnh đi Quảng Nam)

TT	Tên điểm trung chuyển	Vị trí dự kiến	Các tuyến LRT chạy qua
3	Ga trung chuyển CV 29/3 (đi Cảng HKQT Đà Nẵng)	Gần nút giao Nguyễn Tri Phương - Nguyễn Văn Linh	MRT 02, LRT 08 trung chuyển với MRT 01 đi Cảng HKQT Đà Nẵng.
4	Ga trung chuyển Ga hành khách Đà Nẵng mới	Bố trí 01 tuyến vận tải kết nối ga Đà Nẵng mới với nhà ga tuyến LRT10 tại vị trí gần giao cắt đường Bà Nà - Suối Mơ với đường AH1	Ga MRT1 và LRT4 kết nối với Nhà ga nội địa và quốc tế quy hoạch
5	Ga trung chuyển tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng	(1) Ga điểm đầu tuyến LRT4 kết nối vào Nhà ga quốc tế mới. Vị trí dưới bãi đỗ xe trước ga hành khách nội địa hiện nay (2) Ga điểm đầu tuyến LRT4 kết nối vào nhà ga nội địa mới. Vị trí ngay trước khi tuyến MRT1 ra khỏi ranh giới phía Đông sân bay	LRT03, LRT 10 kết nối ga Đà Nẵng mới

b) Danh sách các điểm trung chuyển cấp 2 và 3 của mạng lưới MRT, LRT

TT	Tên điểm trung chuyển
Điểm trung chuyển cấp 2	
1	MRT1 với BX phía Bắc
2	MRT1 với LRT 9
3	MRT1 với LRT 3
4	MRT1 với LRT 10
5	MRT1 với LRT 5
6	MRT1 với LRT 2
7	MRT1 với LRT 4
8	MRT1 với LRT 1
9	MRT2 với LRT du lịch ven biển Mỹ Khê
10	MRT2 với LRT 4
11	MRT2 với LRT 2
12	MRT2 với LRT 9
13	MRT2 với LRT 11

TT	Tên điểm trung chuyển
Điểm trung chuyển cấp 3	
1	LTR 1 với LRT du lịch ven sông Hàn
2	LTR 4 với LRT du lịch ven sông Hàn
3	LTR 2 với LRT 8
4	LTR 2 với LRT du lịch ven sông Hàn
5	LTR 2 với LRT 6
6	LTR 2 với LRT 8
7	LTR 2 với LRT 9
8	LTR 2 với LRT du lịch ven biển Mỹ Khê
9	LTR 3 với LRT 7
10	LTR 3 với LRT 9
11	LTR 5 với LRT 6
12	LTR 5 với LRT 7
13	LTR 5 với LRT 9
14	LTR 6 với LRT 8
15	LTR 6 với LRT 9
16	LTR 7 với LRT 9
17	LTR 7 với LRT 10
18	LTR 9 với LRT 10
19	LTR 10 với LRT du lịch ven biển NTT

c) Danh sách các depot của các tuyến MRT, LRT

TT	Số hiệu tuyến	Dự kiến nhu cầu đất (ha)	Ghi chú
1	MRT01	25,0	Depot đặt gần Bến xe phía Bắc
2	MRT02	25,0	Depot đặt gần Trường đại học Việt Hàn
3	LRT01	0,5	Depot đặt gần nút giao Nguyễn Chí Thanh - Hùng Vương
4	LRT02	1,0	Depot đặt chân cầu Trần Thị Lý bờ Đông sông Hàn
5	LRT03	3,0	Depot đặt tại điểm cuối tuyến (xã Hòa Nhơn)
6	LRT04	1,0	Depot đặt tại khu đất trống giao Nguyễn Văn Linh - Man Thiện
7	LRT05	15,0	Depot đặt gần Bến xe phía Nam
8	LRT11	1,0	
9	LRT06	20,0	Depot đặt gần Bến xe phía Tây Nam
10	LRT07	15,0	Depot đặt tại KCN Liên Chiểu
11	LRT08	15,0	Depot đặt gần Trường đại học Việt Hàn
12	LRT09	30,0	Depot đặt tại xã Hòa Nhơn
13	LRT10	15,0	Depot đặt gần Khu đô thị du lịch Bà Nà - Suối Mơ
14	LRT du lịch 2 bờ sông Hàn	5,00	Depot đặt gần chân cầu Thuận Phước (bờ Tây)
15	LRT du lịch dọc bờ biển Nguyễn Tất Thành (N02)	6,00	Depot đặt gần chân cầu Thuận Phước (bờ Tây)
16	LRT du lịch dọc bờ biển Mỹ Khê - Phạm Văn Đồng (N01)	8,00	Depot đặt trong khu đất cảng Tiên Sa (quy hoạch chuyển đổi thành cảng khách quốc tế)
	Tổng	**185,5**	

Phụ lục VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 6.1. Quy hoạch luồng tuyến phát triển cảng thủy nội địa

TT	Tên sông	Chiều dài dự kiến (km)	Cấp kỹ thuật	
			Hiện trạng	Năm 2030
1	Sông Hàn (đoạn từ cửa sông Hàn đến hạ lưu cầu sông Hàn)	4	I	I
2	Sông Hàn (đoạn từ hạ lưu cầu sông Hàn đến cầu Nguyễn Văn Trỗi)	2,4	III	III
3	Sông Hàn (đoạn từ cầu Nguyễn Văn Trỗi đến ngã ba sông Hàn - Vĩnh Điện - Cẩm Lệ)	3	IV	IV
4	Sông Vĩnh Điện	10,3	V	V định hướng IV
5	Sông Cẩm Lệ	8,7	V	V
6	Sông Túy Loan	14,1	VI	VI
7	Sông Yên	6,1		VI
8	Sông Quá Giáng (Bầu Sấu)	2,3		VI
9	Sông Cu Đê	39,7	V	V
10	Sông Cổ Cò (đoạn từ ngã ba Vĩnh Điện, Cổ Cò đến hạ lưu chùa Quan Âm)	3,5	V	V
11	Sông Cổ Cò (đoạn từ hạ lưu chùa Quan Âm đến điểm cuối sông)	4,8	VI	V

Bảng 6.2. Danh sách cảng, bến hành khách đường thủy nội địa dự kiến

TT	Tên bên thủy nội địa	Địa điểm dự kiến
I	**Tuyến du lịch sông Hàn: 11 vị trí**	
1	Bến du thuyền quốc tế Thuận Phước	Quận Sơn Trà
2	Bến du thuyền quốc tế Đa Phước	Quận Hải Châu
3	Bến du thuyền tại khu vực dự án BĐS và bến du thuyền Đà Nẵng - Marina Complex	Quận Sơn Trà

TT	Tên bên thủy nội địa	Địa điểm dự kiến
4	Bến tại khu vực dự án Olalani Riverside Tower	Quận Sơn Trà
5	DHC-MARINA bến du thuyền và câu lạc bộ thể thao dưới nước (đã xây dựng)	Quận Sơn Trà
6	Bến/Cầu tàu tại khu vực Khu dịch vụ du lịch ven sông Hàn	Quận Sơn Trà
7	Khu vực hợp Bến cảng du thuyền sông Hàn	Quận Hải Châu
8	Cảng sông Hàn	Quận Hải Châu
9	Cảng phía Tây cầu Nguyễn Văn Trỗi	Quận Hải Châu
10	Bến thuyền tại khu công viên chuyên đề văn hóa và vui chơi giải trí kết hợp thương mại dịch vụ phía Đông Nam Đài tưởng niệm	Quận Hải Châu
11	Bến thuyền tại dự án Tổ hợp công trình thương mại dịch vụ kết hợp ở phục vụ Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn
II	**Tuyến du lịch sông Cu Đê - sông Trường Định: 05 vị trí**	
12	Khu vực phía Bắc cầu Nam Ô	Quận Liên Chiểu
13	Khu vực bến Hầm Vàng trên tuyến sông Cu Đê cách cầu Nam Ô khoảng 1 km (cuối đường Ngô Xuân Thu)	Quận Liên Chiểu
14	Khu vực dự án Golden Hills City	Quận Liên Chiểu
15	Khu vực dự án Golden Hills City mở rộng	Huyện Hòa Vang
16	Khu vực Khe Răm, xã Hòa Bắc (định hướng du lịch tắm, thăm quan suối Khe Răm)	Huyện Hòa Vang
III	**Tuyến du lịch sông Cổ Cò - Sông Cái (Sông Vĩnh Điện): 13 vị trí**	
17	Khu vực khu di tích lịch sử làng văn hóa K20	Quận Ngũ Hành Sơn
18	Cầu tàu tại khu vực chùa Quan Thế Âm thuộc khu công viên văn hóa lịch Ngũ Hành Sơn	Quận Ngũ Hành Sơn
19	Khu vực khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn
20	Khu vực khu liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ
21	Khu vực Khu nghỉ dưỡng cho người cao tuổi theo tiêu chuẩn Nhật Bản (phía Đông sông Vĩnh Điện đoạn giáp Quảng Nam)	Quận Ngũ Hành Sơn
22	Cầu tàu tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.1	Quận Ngũ Hành Sơn
23	Cầu tàu tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.2	Quận Ngũ Hành Sơn
24	Cầu tàu tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.3	Quận Ngũ Hành Sơn
25	Bến thuyền tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.4	Quận Ngũ Hành Sơn
26	Bến thuyền tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.5	Quận Ngũ Hành Sơn
27	Cầu tàu tại khu vực khu mở rộng Khu đô thị ven sông Hòa Quý - Đồng Nò về phía Đông	Quận Hành Sơn

TT	Tên bên thủy nội địa	Địa điểm dự kiến
28	Bến khu vực cầu Cổ Cò mới đường Võ Quí Huân	Quận Ngũ Hành Sơn
29	Bến tại dự án Khu Đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân (vị trí 1 tại chân cầu Bùi Tá Hán)	Quận Cẩm Lệ
IV	**Tuyến du lịch sông Cẩm Lệ - Sông Túy Loan - sông Yên: 10 vị trí**	
30	Khu vực Trung tâm hội chợ triển lãm	Quận Cẩm Lệ
31	Khu vực làng Phong Lệ	Quận Cẩm Lệ
32	Khu vực Cẩm Nê, xã Hòa Tiến	Huyện Hòa Vang
33	Khu vực khu di tích đình làng Túy Loan	Huyện Hòa Vang
34	Khu vực khu du lịch Thái Lai (đã xây dựng)	Huyện Hòa Vang
35	Khu vực Bara An Trạch - xã Hòa Khương	Huyện Hòa Vang
36	Khu vực vùng rau Túy Loan	Huyện Hòa Vang
37	Khu vực chùa Quang Hưng	Huyện Hòa Vang
38	Khu bến tại dự án Khu Đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân (vị trí 2 tại Công viên Bãi Chuối)	Quận Cẩm Lệ
39	Cầu tàu tại dự án Khu Đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân (vị trí 3 tại khu thể thao)	Quận Cẩm Lệ
V	**Khu vực vịnh Đà Nẵng: 04 vị trí**	
40	Khu vực khu du lịch Làng Vân	Quận Liên Chiểu
41	Khu vực bãi Sủng Cỏ	Quận Liên Chiểu
42	Khu vực bãi Mà Đa	Quận Liên Chiểu
43	Khu vực Xuân Thiều	Quận Liên Chiểu
VI	**Tuyến du lịch xung quanh Bán đảo Sơn Trà: 19 vị trí trí** ký hiệu từ T1 đến T10; từ X16 đến X22; N9 (Bến du thuyền cảng Tiên Sa) và N10 (Bến du thuyến khu nghỉ dưỡng Inter Continental)	
VII	**Khu vực tránh trú bão cho các tàu du lịch: 02 vị trí**	
63	Khu neo đậu bờ hữu cầu Nguyễn Tri Phương	Quận Cẩm Lệ
64	Khu neo đậu vực sông Cổ Cò (Thượng lưu X5 - Đồng Nò)	Quận Ngũ Hành Sơn

Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP ĐIỆN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 7.1. Nguồn cấp điện tiềm năng

TT	Nguồn điện	Công suất (MW)	Địa điểm
1	Năng lượng mặt trời mái nhà	1.138	Toàn thành phố
2	Năng lượng sinh khối	15	Khu công nghiệp Liên Chiểu (đã được phê duyệt tại Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2021 về điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)
3	Năng lượng từ xử lý chất thải rắn	18	Bãi rác Khánh Sơn, Quận Liên Chiểu (đã được phê duyệt tại Quy hoạch điện VII điều chỉnh)
		36	Khu xử lý chất thải rắn TP. Đà Nẵng
4	Điện gió gần bờ và ngoài khơi	500	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn

Ghi chú: Việc triển khai các dự án nêu trên chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

Bảng 7.2. Lưới điện

TT	Nội dung	Đơn vị	Quy mô, công suất dự kiến giai đoạn 2021 - 2030
I	**Lưới điện 500kV**		
1	**TBA 500kV**		
	Cải tạo, nâng công suất	trạm/máy/MVA	900MVA → 1800MVA
2	**Đường dây 500kV**	km	
	Xây dựng mới	km	37,2
II	**Lưới điện 220kV**		
1	**TBA 220kV**		
	Xây dựng mới	trạm/máy/MVA	04/04/1.000MVA
	Cải tạo	trạm/máy/MVA	02/02/500MVA

TT	Nội dung	Đơn vị	Quy mô, công suất dự kiến giai đoạn 2021 - 2030
2	**Đường dây 220kV cải tạo, xây dựng mới**	km	
	Xây dựng mới	km	43,4
	Cải tạo	km	23
III	**Lưới điện 110kV**		
1	**TBA 110kV**		
	Xây dựng mới		
	Số TBA	TBA	10
	Công suất	MVA	733
	Cải tạo		
	Số TBA	TBA	12
	Công suất	MVA	665
2	**Đường dây 110kV cải tạo, xây dựng mới**		
	Xây dựng mới	km	59,43

Bảng 7.3. Trạm biến áp, đường dây 500 kV

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến giai đoạn 2021 - 2030
A	**Trạm biến áp 500kV**		
1	Cải tạo trạm 500kV Đà Nẵng, thay 02 MBA 450MVA bằng 02 MBA 900MVA	MVA	1.800
B	**Xây mới đường dây 500kV**		
1	Quảng Trạch - Dốc Sỏi	Km	2x30,4
2	Mạch 2 Đà Nẵng - Dốc Sỏi	Km	2x6,8

Bảng 7.4. Trạm biến áp, đường dây 220 kV

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021 - 2030	2031 - 2050
A	**Trạm biến áp 220 kV**			
I	**Xây mới**		**1.000**	
1	Trạm 220 kV Hải Châu, máy 1	MVA	250	
2	Trạm 220 kV Sân bay Đà Nẵng, máy 1	MVA	250	
3	Trạm 220 kV Liên Chiểu, máy 1	MVA	250	
4	Trạm 220 kV Tiên Sa, máy 1	MVA	250	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021 - 2030	2031 - 2050
II	**Cải tạo**		**500**	**750**
1	Trạm 220 kV Ngũ Hành Sơn, máy 2	MVA	250	
2	Trạm 220 kV Hải Châu, máy 2	MVA		250
3	Trạm 220 kV Sân bay Đà Nẵng, máy 2	MVA		250
4	Trạm 220 kV Liên Chiểu, máy 2	MVA	250	
5	Trạm 220 kV Tiên Sa, máy 2	MVA		250
B	**Đường dây 220 kV**			
I	**Xây mới**		**43,4**	**9**
1	Hải Châu - Hòa Khánh	km	2x9,9	
2	Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	km	2x10,5	
3	Liên Chiểu - rẽ Hòa Khánh - Huế	km	4x3	
4	Sân bay Đà Nẵng - rẽ Hòa Khánh - Đà Nẵng	km	2x8	
5	Tiên Sa (An Đồn) - rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	km	2x4	
6	Hòa Khánh - rẽ Hải Châu - Đà Nẵng	km		2x1
	Xây mới nâng khả năng tải và cấp điện ngoài tỉnh đi qua địa bàn Đà Nẵng			
7	Đà Nẵng - Điện Bàn	km	2x8	
8	Đà Nẵng 500 kV - rẽ Ngũ Hành Sơn - Duy Xuyên	km		2x8
II	**Cải tạo, nâng tiết diện**	**km**	**23**	
1	Nâng khả năng tải Huế - Hòa Khánh	km	2x15	
2	Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	km	2x8	

Bảng 7.5. Trạm biến áp, đường dây 110 kV

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021 - 2030	2031 - 2050
A	**Trạm 110kV**			
I	**Xây dựng mới**		**733**	**630**
1	Chi Lăng	MVA	126	
2	Thuận Phước	MVA	63	
3	Cảng Tiên Sa	MVA	40	
4	Hòa Phong	MVA	63	
5	NM Thép Đà Nẵng	MVA	63	
6	Cảng Liên Chiểu	MVA	63	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021 - 2030	2031 - 2050
7	Khuê Trung	MVA	63	
8	Hòa Khánh Nam	MVA	126	
9	Thọ Quang	MVA	63	
10	Sân bay Đà Nẵng	MVA	63	
11	Hòa Hải	MVA		63
12	Hòa Liên 2	MVA		63
13	Hòa Nhơn	MVA		63
14	Làng Vân	MVA		126
15	An Hải	MVA		63
16	Hòa Châu	MVA		63
17	Hòa Sơn	MVA		63
18	Phước Lý	MVA		63
19	Công viên 29/3	MVA		63
II	**Cải tạo**		**585**	**693**
1	An Đồn, mở rộng 01 ngăn lộ 110kV	MVA		
2	Thuận Phước, lắp máy 2-63MVA	MVA	63	
3	Khuê Trung, lắp máy 2-63MVA	MVA	63	
4	Quận 3, thay máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	23	
5	Liên Chiểu, thay 2 máy biến áp 40MVA bằng 2 máy biến áp 63MVA	MVA	46	
6	Cầu Đỏ, thay máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	23	
7	NM Thép Đà Nẵng, lắp máy 2-63MVA	MVA	63	
8	Ngũ Hành Sơn, thay máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	23	
9	Cảng Tiên Sa - Lắp máy 2-40MVA - Thay 02 máy biến áp 40MVA bằng 02 máy biến áp 63MVA	MVA	40 46	
10	Hòa Xuân - Lắp máy 2-40MVA - Thay 02 máy biến áp 40MVA bằng 02 máy biến áp 63MVA	MVA	40 46	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021 - 2030	2031 - 2050
11	Hòa Liên, thay 2 máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	46	
12	Hòa Phong, lắp máy 2	MVA	63	
13	Sân bay Đà Nẵng	MVA		63
14	Thọ Quang, lắp máy 2	MVA		63
15	Cảng Liên Chiểu	MVA		63
16	Hòa Hải, lắp máy 2	MVA		63
17	An Hải, lắp máy 2	MVA		63
18	Hòa Nhơn, lắp máy 2	MVA		63
19	Hòa Liên 2, lắp máy 2	MVA		63
20	Hòa Châu, lắp máy 2	MVA		63
21	Hòa Sơn, lắp máy 2	MVA		63
22	Phước Lý, lắp máy 2	MVA		63
23	Công viên 29/3, lắp máy 2	MVA		63
B	**Đường dây 110kV**			
I	**Xây dựng mới**	**km**	**60,63**	**23,1**
1	Xuân Hà - Chi Lăng, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2x3,1	
2	An Đồn - Cảng Tiên Sa, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	1x4,9	
3	Thuận Phước - Cảng Tiên Sa, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	1x9,6	
4	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Phong	km	2x0,03	
5	Nhánh rẽ trạm Hòa Liên, tuyến thứ 2	km	2x2,2	
6	Nhánh rẽ trạm 220kV Hải Châu vào tuyến cáp ngầm 110kV Xuân Hà - Chi Lăng, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2x0,5	
7	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Hải Châu, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	1x5	
8	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Liên Chiểu đến trạm biến áp 110kV Cảng Liên Chiểu, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	4x4,0	
9	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Liên Chiểu, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	4x1,0	
10	Quận 3 - Điện Nam - Điện Ngọc	km	2x15	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021 - 2030	2031 - 2050
11	Nhánh rẽ trạm 110kV Khuê Trung, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2x1	
12	Liên Chiểu - NM Thép Đà Nẵng	km	2x1,5	
13	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Khánh Nam, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2x1	
14	Tiên Sa (220kV) - Thọ Quang, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2x6	
15	Nhánh rẽ trạm 110kV Sân bay Đà Nẵng, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2x0,1	
16	Xuất tuyến trạm 110kV Sân bay Đà Nẵng, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	4x0,5	
17	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Hải, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2x4	
18	Nhánh rẽ trạm 110kV Cảng Liên Chiểu, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2x1,2	
19	Nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Hòa Liên 2	km		2x0,1
20	Nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Hòa Nhơn	km		2x5
21	Nhánh rẽ trạm 110kV Làng Vân, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km		4x3
22	Ngũ Hành Sơn (220kV) - An Hải, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km		2x3
23	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Châu	km		2x1
24	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Sơn	km		2x1
25	Hòa Liên (220kV) - Hòa Khánh Nam	km		2x6
26	Nhánh rẽ trạm 110kV Công viên 29/3, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km		2x1
27	Sân bay Đà Nẵng - Phước Lý, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km		2x3
II	**Cải tạo, nâng tiết diện**	**km**	**97,267**	
1	Mạch 2 Quận 3 (Ngũ Hành Sơn) - An Đồn, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	1x4,9	
2	Mạch 2 Đà Nẵng - Đại Lộc	km	2x14,8	
3	Hòa Khánh - Hòa Khánh 2	km	2x1,862	
4	Cầu Đỏ - Hòa Khánh	km	2x11,2	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021 - 2030	2031 - 2050
5	Nhánh rẽ vào trạm biến áp 110kV Xuân Hà	km	2x4	
6	Nhánh rẽ vào trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ	km	2x15,5	
7	Nhánh rẽ vào trạm biến áp 110kV Liên Trì	km	2x4,4	
8	Cải tạo tuyến Điện Nam Điện Ngọc - Ngũ Hành Sơn (220kV)	km	2x14,6	
9	Ngầm hóa đoạn tuyến từ T413-T401 đường dây 110kV Huế - Đà Nẵng đi qua dự án Golden Hills city, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2,47	
10	Đà Nẵng - Điện Bàn	km	6,1	
11	Đà Nẵng - Điện Nam Điện Ngọc	km	15,3	
12	Dự án di dời, hạ ngầm đường dây 110kV Hòa Khánh 2 - Cầu Hai/Lăng Cô, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km	2x0,335	
13	Cải tạo, di dời, hạ ngầm đường dây 110kV nhánh rẽ Xuân Hà, cáp ngầm XLPE-1200mm^2	km		2x4
14	Hạ ngầm đường dây 110kV Quận Ba - An Đồn, đoạn từ trạm biến áp 110kV Quận Ba đến cột H60A và từ cột H62 đến cột H63	km	2x1,8	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và tuyến đường dây 500 kV, 220 kV, 110 kV phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THỦY LỢI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Mục tiêu
I	**Trạm bơm cải tạo**		
1	Cải tạo, sửa chữa trạm 02 bơm An Trạch, Bích Bắc	Huyện Hòa Vang	Cấp nước sản xuất cho huyện Hòa Vang, quận Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn
II	**Hồ cải tạo**		
1	Nâng cấp đảm bảo an toàn hồ, nạo vét chống bồi lấp và tăng dung tích chứa 03 hồ Đồng Nghệ, Hòa Trung và Trước Đông	Huyện Hòa Vang	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho huyện Hòa Vang, các quận Liên Chiểu, Cẩm Lệ
III	**Hồ xây mới**		
1	Xây dựng mới hồ chứa nước Sông Bắc (giai đoạn 2)	Huyện Hòa Vang	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho huyện Hòa Vang, quận Liên Chiểu
IV	**Đập dâng**		
1	Nâng cấp, sửa chữa đập dâng An Trạch, Hà Thanh	Huyện Hòa Vang	Cấp nước sản xuất cho huyện Hòa Vang và cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ thành phố Đà Nẵng

Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
A	**CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC**	
I	**Cải tạo, nâng cấp**	
1	Nhà máy nước Cầu Đỏ	Quận Cẩm Lệ
2	Nhà máy nước Sân bay	Quận Hải Châu
3	Nhà máy nước Hòa Liên	Huyện Hòa Vang
4	Nhà máy nước Hòa Trung	Huyện Hòa Vang
5	Các nhà máy nước Suối Lương, Suối Đá, Suối Tình	Quận Sơn Trà, Liên Chiểu
II	**Xây dựng mới**	
1	Nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ sông Vu Gia (nhánh sông An Trạch - Bàu Nít - Hà Thanh) hoặc sông Thu Bồn	Huyện Hòa Vang
2	Đầu tư xây dựng trạm bơm tại huyện Đại Lộc và tuyến ống chuyển dẫn nước thô để bơm, dẫn nước sông Thu Bồn về An Trạch	Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam và huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
B	**CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI**	
I	**Cải tạo, nâng cấp**	
1	Trạm xử lý nước thải Phú Lộc	Quận Thanh Khê
2	Trạm xử lý nước thải Sơn Trà	Quận Sơn Trà
3	Trạm xử lý nước thải Ngũ Hành Sơn	Quận Ngũ Hành Sơn
4	Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ
5	Trạm xử lý nước thải Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu
II	**Xây dựng mới**	
1	Trạm xử lý nước thải Hòa Nhơn, Hòa Vang	Huyện Hòa Vang
2	Các trạm xử lý nước thải phân tán, cục bộ cho khu vực phía Tây Nam thành phố	Huyện Hòa Vang

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HỎA TÁNG, KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
A	**Quy hoạch nhà tang lễ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng**	
I	**Hiện trạng, cải tạo, nâng cấp**	
1	Nghĩa trang Hòa Ninh	Huyện Hòa Vang
2	Nghĩa trang Hòa Sơn	Huyện Hòa Vang
3	Nghĩa trang Gò Cà	Huyện Hòa Vang
4	Nghĩa trang tại thôn An Châu, xã Hòa Phú	Huyện Hòa Vang
5	Nghĩa trang phục vụ giải tỏa dự án đường Hồ Chí Minh	Huyện Hòa Vang
6	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ đồng bào dân tộc Cơ Tu	Huyện Hòa Vang
7	Nhà tang lễ đường Quang Trung	Quận Hải Châu
8	Nhà tang lễ đường Lê Đại Hành	Quận Cẩm Lệ
9	Nhà tang lễ Quân khu V, đường Nguyễn Hữu Thọ	Quận Hải Châu
10	Nhà hỏa táng tại Nghĩa trang Hòa Sơn	Huyện Hòa Vang
II	**Xây dựng mới**	
1	Nhà hỏa táng mới tại nghĩa trang thôn An Châu, xã Hòa Phú	Huyện Hòa Vang
2	Nhà tang lễ nhân dân số 2 phường Hòa Minh	Quận Liên Chiểu
3	Nhà tang lễ tại khu đất dự trữ phát triển bệnh viện Đà Nẵng, phường Hòa Quý	Quận Ngũ Hành Sơn
4	Nhà tang lễ tại khu đất bệnh viện chất lượng cao - khu công nghiệp An Đồn	Quận Sơn Trà
5	Nhà tang lễ tại xã Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang
6	Nhà tang lễ tại bệnh viện định hướng xây dựng tại xã Hòa Sơn	Huyện Hòa Vang
7	Nhà tang lễ tại khu đất quy hoạch trụ sở khám bệnh chất lượng cao và trung tâm đào tạo cán bộ tại thành phố Đà Nẵng	Quận Cẩm Lệ
B	**Khu xử lý chất thải rắn tập trung**	
1	Các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt (công suất 1.800 - 2.000 tấn/ngày)	Quận Liên Chiểu

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
2	Các trạm trung chuyển rác tại các quận, huyện (công suất khoảng 500 tấn/ngày/trạm)	Các quận/huyện
3	Các nhà máy xử lý chất thải nguy hại (công suất khoảng 250 - 500 tấn/ngày)	Thành phố Đà Nẵng
4	Hạ tầng kỹ thuật khu liên hợp xử lý chất thải rắn phía Tây thành phố	Thành phố Đà Nẵng
5	Các nhà máy tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt (khoảng 1.000-2.000 tấn/ngày)	Thành phố Đà Nẵng
6	Các nhà máy xử lý bùn thải (công suất khoảng 500 m^3/ngày)	Thành phố Đà Nẵng
7	Các nhà máy xử lý chất thải rắn xây dựng (công suất khoảng 2.000 tấn/ngày)	Thành phố Đà Nẵng
8	Đầu tư, nâng cấp, cải tạo một số hạng mục khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn giai đoạn 2 (Hộc rác số 7 tại khu vực bãi rác Khánh Sơn)	Quận Liên Chiểu
9	Khu chôn lấp tro xỉ	Quận Liên Chiểu

Ghi chú: Quy mô, công nghệ từng nhà máy do thành phố quyết định căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và phù hợp với pháp luật, quy định hiện hành.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĂN HÓA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số lượng	Địa điểm dự kiến
I	**Di tích quốc gia đặc biệt đã được công nhận**	**02**	
II	**Di tích cấp quốc gia**	**25**	
1	Đã được công nhận	17	
2	Phấn đấu được công nhận mới (cấp quốc gia và cấp cao hơn)	08	Thành phố Đà Nẵng
III	**Di tích cấp thành phố**		
1	Đã được công nhận	65	
2	Phấn đấu được công nhận mới	20-25	Thành phố Đà Nẵng
IV	**Di sản phi vật thể đã được công nhận**	**7**	
V	**Bảo vật quốc gia**		
1	Đã được công nhận	6	
2	Phấn đấu được công nhận mới	1-2	Thành phố Đà Nẵng
VI	**Danh mục dự án, thiết chế văn hóa cấp thành phố xây dựng mới thời kỳ 2021 - 2030**		
1	Công viên Văn hóa lịch sử Ngũ hành Sơn	01	Quận Ngũ Hành Sơn
2	Di tích Thành Điện Hải	01	Quận Hải Châu
3	Công viên tại khu đất Đài phát sóng An Hải	01	Quận Sơn Trà
4	Bảo tàng Đà Nẵng tại 42, 44 Bạch Đằng, 31 Trần Phú	01	Quận Hải Châu
5	Cảnh quan hai bên bờ sông Hàn và dự án chiếu sáng nghệ thuật "Dòng sông ánh sáng"	01	Quận Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn
6	Di tích Hải Vân Quan	01	Quận Liên Chiểu
7	Nâng cấp, cải tạo công viên 29 tháng 3	01	Quận Thanh Khê

TT	Danh mục	Số lượng	Địa điểm dự kiến
8	Bảo tàng tranh "trận chiến 1858 - 1860" tại Đà Nẵng	01	Đang tìm địa điểm
9	Nhà hát lớn thành phố	01	Quận Hải Châu
10	Trường quay Đà Nẵng	01	H.Hòa Vang/Q.Sơn Trà
11	Đầu tư quảng trường Trung tâm	01	Quận Hải Châu
12	Bảo tàng biển Việt Nam tại Đà Nẵng	01	Quận Sơn Trà
13	Công viên Thanh Niên	01	Quận Cẩm Lệ
14	Trung tâm văn hóa - Điện ảnh thành phố	01	Quận Cẩm Lệ
15	Bảo tàng Chăm cơ sở 2 tại Phong Lệ	01	Quận Cẩm Lệ
16	Thư viện Khoa học Tổng hợp cấp vùng	01	Quận Hải Châu
17	Thư viện Khoa học Tổng hợp khu vực Tây Bắc	01	Quận Liên Chiểu
18	Thư viện Khoa học Tổng hợp Nam thành phố	01	Huyện Hòa Vang
19	Thư viện Khoa học Tổng hợp Đông Nam thành phố	01	Quận Ngũ Hành Sơn
20	Bảo tàng Mỹ thuật cơ sở 2	01	Thành phố Đà Nẵng
21	Nhà trưng bày các tác phẩm, hiện vật do các tổ chức cá nhân hiến tặng	01	Quận Hải Châu
22	Khu tổ hợp công trình thương mại dịch vụ kết hợp ở phục vụ Lễ hội pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng	01	Quận Ngũ Hành Sơn

Phụ lục XII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CHỢ (HẠNG 1) VÀ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

12.1. Hạ tầng thương mại

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Cấp hạng	
			Hiện trạng	Năm 2030
A	**CHỢ**			
1	Chợ Cồn	Quận Hải Châu	1	1
2	Chợ Hàn	Quận Hải Châu	1	1
3	Chợ Đống Đa	Quận Hải Châu	1	1
4	Chợ Mới	Quận Hải Châu	1	1
5	Chợ đầu mối Hòa Cường	Quận Hải Châu	Đầu mối	-
6	Chợ chuyên doanh rau củ quả phía Tây thành phố	Quận Liên Chiểu		1
7	Chợ Hòa Khánh	Quận Liên Chiểu	1	1
8	Chợ Bắc Mỹ An	Quận Ngũ Hành Sơn	2	1
9	Chợ Đầu mối Thủy sản Thọ Quang	Quận Sơn Trà	Đầu mối	Đầu mối
10	Chợ Thọ Quang	Quận Sơn Trà		1
11	Chợ Siêu thị Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	1	1
12	Chợ Đầu mối Hòa Phước	Huyện Hòa Vang	-	Đầu mối
B	**HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI KHÁC**			
1	Khu logistics dịch vụ hỗ trợ chợ đầu mối và ngành bán buôn thành phố Đà Nẵng	Huyện Hòa Vang		
2	Khu phi thuế quan và các dịch vụ đi kèm	Huyện Hòa Vang		
3	Trung tâm Hội chợ Triển lãm quốc tế Đà Nẵng (hạng A)	Huyện Hòa Vang		
4	Khu thương mại tự do, các khu phi thuế quan và các dịch vụ đi kèm	Q. Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Cẩm Lệ, H. Hòa Vang	-	-

Ghi chú: Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

12.2. Hạ tầng dự trữ xăng dầu mở rộng, xây mới

TT	Tên kho	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến (m^3)	Diện tích dự kiến (m^2)	Thời gian dự kiến	Ghi chú
I	**Mở rộng, nâng công suất (cấp Quốc gia[1])**		**26.000**			
1	Mở rộng kho xăng dầu Khuê Mỹ	Quận Ngũ Hành Sơn	+10.000		2021 - 2030	Hiện trạng 76.200 m^3
2	Mở rộng kho xăng dầu Liên Chiểu K83	Quận Liên Chiểu	+10.000		2021 - 2025	Hiện trạng 35.930 m^3
3	Mở rộng kho xăng dầu PETEC	Quận Liên Chiểu	+6.000		2021 - 2025	Hiện trạng 9.900 m^3
II	**Đầu tư, xây dựng mới (cấp Quốc gia)**		**55.000**	**32.000-52.000**		
1	Kho xăng dầu Tiên Sa	Quận Sơn Trà	40.000	20.000-40.000	2021 - 2030	
2	Kho xăng dầu Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	15.000	12.000	2021 - 2030	
III	**Đầu tư, xây dựng mới (cấp tỉnh)**		**9.800**	**10.000**		
1	Kho xăng dầu Hòa Hiệp Bắc	Quận Liên Chiểu	5.000	5.000	2021 - 2030	
2	Kho xăng dầu tại quận Sơn Trà (kho nổi kết hợp cấp phát trên cạn)	Quận Sơn Trà	4.800	5.000	2021 - 2030	
	Tổng cộng		**90.800**	**42.000-62.000**		Hiện trạng 164.590 m^3

Ghi chú: Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

[1] Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

12.3. Tuyến ống xăng dầu (cấp Quốc gia)

TT	Tuyến	Chiều dài tuyến (km)	Thời gian dự kiến
1	Xây mới tuyến ống xăng dầu Liên Chiểu - Hòa Liên	10 - 20	2031 - 2050

12.4. Hạ tầng kho/trạm khí đốt, đường ống dẫn khí

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Sức chứa, công suất	
			2021 - 2030	2031 - 2050
I	**Hạ tầng dự trữ LPG mở rộng, xây mới cấp Quốc gia** (tấn)		**12.000**	**10.000**
1	Mở rộng kho LPG Petrolimex Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	1.000	
2	Kho LPG Thọ Quang Đà Nẵng (xây mới)	Quận Sơn Trà	6.000	
3	Kho LPG Liên Chiểu Đà Nẵng (xây mới)	Quận Liên Chiểu	5.000	10.000
II	**Hạ tầng dự trữ LNG cấp Quốc gia** (triệu tấn/năm)			
1	Kho LNG Liên Chiểu Đà Nẵng (xây mới)	Quận Liên Chiểu	0,5 - 1	1
III	**Tuyến ống dẫn khí cấp Quốc gia** (tỷ m^3/năm)			
1	Các hệ thống đường ống dẫn khí từ các kho LNG tới các nhà máy điện, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hộ tiêu thụ…		0,5 - 3(*)	
IV	**Hạ tầng dự trữ LPG xây mới cấp tỉnh** (tấn/trạm)			
1	Các trạm chiết nạp LPG trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao tại Đà Nẵng	Các Khu CN, cụm CN, Khu CNC	500 - 1.500	
V	**Hạ tầng dự trữ LNG, CNG cấp tỉnh**			
1	Trạm nạp CNG (tấn/năm)	KCN Hòa Cầm, Quận Cẩm Lệ	300	
2	Trạm nạp CNG (tấn/năm)	KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu	300	

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Sức chứa, công suất	
			2021 - 2030	2031 - 2050
3	Các trạm cấp khí trung tâm CNG/LNG (tỷ m^3/năm)	Các KCN, CCN, Khu CNC	0,01 - 0,1	
VI	**Tuyến ống dẫn khí cấp tỉnh** (tỷ m^3/năm)			
1	Các hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp	Các Khu CN, CCN, Khu CNC	0,1 - 0,3(*)	
VII	**Phương án phát triển hạ tầng dịch vụ cung ứng xăng dầu khác cấp tỉnh** (ha)			**Ghi chú**
1	Khu dịch vụ hậu cần kỹ thuật dầu khí miền Trung tại Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	1,9	Vốn NĐT
2	Khu dịch vụ cung ứng xăng dầu kết hợp tránh bão	Quận Sơn Trà	1 (diện tích mặt nước)	Vốn NĐT (2023 - 2025)

Ghi chú: (*) Công suất, chiều dài tuyến ống sẽ được xác định trong quá trình lập dự án đầu tư.

Ngoài dự kiến nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các kho/trạm khí (LPG, LNG, CNG) tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển Liên Chiểu... để đa dạng hóa nguồn nhiên liệu phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, Y TẾ, AN SINH XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
A	**Các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp**		
I	**Giáo dục trung học phổ thông**		
1	Cơ sở duy trì hoạt động	37	07 quận, huyện
2	Quy hoạch mới	6	
II	**Giáo dục thường xuyên**		
1	Cơ sở duy trì hoạt động	3	Các Quận: Sơn Trà, Thanh Khê, Hải Châu, Cẩm Lệ; Huyện Hòa Vang
2	Quy hoạch mới	0	
III	**Giáo dục nghề nghiệp**		
3.1	**Cơ sở duy trì hoạt động**	**36**	
3.2	**Quy hoạch mới**	**30**	
1	Trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng	1	Quận Ngũ Hành Sơn
2	Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Đà Nẵng	1	Quận Ngũ Hành Sơn
3	Trường Cao đẳng	7	Huyện Hòa Vang, Quận Cẩm Lệ, Quận Ngũ Hành Sơn (đào tạo các lĩnh vực công nghệ cao, logictis, các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố... đạt chuẩn khu vực và quốc tế)
4	Trường Trung cấp	6	
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	15	
B	**Các cơ sở y tế**		
I	**Cơ sở y tế công lập cấp thành phố, quận, huyện** Gồm 99 cơ sở hiện có (04 Bệnh viện Bộ ngành, 95 cơ sở y tế công lập do thành phố quản lý) và 04 cơ sở quy hoạch mới	**103**	
1.1	**Duy trì nâng cấp các cơ sở y tế công lập hiện có** (Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu, 10 bệnh viện tuyến thành phố (03 Bệnh viện có 02 trụ sở	**95**	

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
	là Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện Phụ sản - Nhi, Bệnh viện Y học cổ truyền); 07 Trung tâm y tế quận, huyện; 01 trụ sở Sở Y tế cũ; các trạm y tế xã, phường; 06 Trạm cấp cứu; 06 đơn vị hệ dự phòng; 05 cơ sở cũ của các đơn vị sát nhập vào Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)		
1.2	**Mở rộng tại vị trí hiện có**	**08**	
1	Bệnh viện Phụ sản - Nhi		Quận Ngũ Hành Sơn
2	Bệnh viện Đà Nẵng		Quận Hải Châu
3	Bệnh viện Mắt		Quận Hải Châu
4	Bệnh viện Tâm thần		Quận Liên Chiểu
5	Bệnh viện Da Liễu		Quận Thanh Khê
6	Trung tâm Y tế quận Hải Châu		Quận Hải Châu
7	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang		Quận Hòa Vang
8	Trung tâm Y tế quận Sơn Trà		Quận Sơn Trà
1.3	**Quy hoạch chuyển vị trí mới**	**04**	
1	Trung tâm Pháp Y		Quận Thanh Khê
2	Trạm cấp cứu Ngũ Hành Sơn		Quận Ngũ Hành Sơn
3	Bệnh viện Phụ sản - Nhi cơ sở 3 (khi TTYT quận Liên Chiểu xây dựng Bệnh viện phía Tây thành phố 1000 GB)		Quận Liên Chiểu (TTYT Liên Chiểu hiện nay)
4	Trung tâm Giám định Y khoa		Quận Hải Châu
1.4	**Quy hoạch mới**	**04**	
1	Bệnh viện Đà Nẵng (cơ sở 2)		Quận Ngũ Hành Sơn
2	Bệnh viện Bắc Hòa Vang		Huyện Hòa Vang
3	Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu (Bệnh viện phía Tây thành phố 1000 GB)		Quận Liên Chiểu
4	Trung tâm đào tạo Y khoa		Huyện Hòa Vang
II	**Cơ sở y tế ngoài công lập**	**14**	
2.1	**Duy trì các cơ sở hiện có**	**06**	
2.2	**Quy hoạch mới**	**08**	
1	Trung tâm chăm sóc người cao tuổi		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ
2	Bệnh viện đa khoa/chuyên khoa chất lượng cao		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ/Sơn Trà

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
3	Trung tâm chẩn đoán y khoa chất lượng cao		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ
4	Trung tâm kiểm chuẩn xét nghiệm		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ
5	Trung tâm điều trị Ung bướu quốc tế chất lượng cao		Liên Chiểu
6	Trung tâm sức khỏe môi trường và lao động		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ
7	Trung tâm phân phối dược phẩm		Hòa Vang
8	Đầu tư các cơ sở/mô hình khám chữa bệnh, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ/Sơn Trà
C	**Cơ sở an sinh xã hội**		
I	**Cơ sở hiện có**	**17**	
II	**Quy hoạch mới**	**5**	
1	Viện dưỡng lão 1		Quận Cẩm Lệ
2	Viện dưỡng lão 2, 3		Huyện Hòa Vang
3	Cơ sở cai nghiện số 2		Huyện Hòa Vang

Phụ lục XIV
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 14.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đà Nẵng

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020		Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, bổ sung	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		So sánh tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)-(6)	(8)	(9)	(10)=(8)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		**128.472,96**	**100,00**	**128.472,96**	**0,00**	**128.472,96**	**100,00**	
1	**Đất Nông nghiệp**	**NNP**	**71.261,27**	**55,47**	**66.373,00**	**0,00**	**66.373,00**	**51,66**	**-4.888,27**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.517,82	2,74	1.639,00	0,00	1.639,00	1,28	-1.878,82
	Tr.đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3.517,82	2,74	1.639,00	*0,00*	1.639,00	1,28	-1.878,82
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.902,02	1,48		1.310,32	1.310,32	1,02	-591,70
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.938,27	6,96	11.778,00	0,00	11.778,00	9,17	2.839,73
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	30.448,91	23,70	34.130,00	0,00	34.130,00	26,57	3.681,09
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	23.329,00	18,16	14.973,00	0,00	14.973,00([1])	11,65	-8.356,00
	Tr.đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	3.687,59	2,87	3.688,00	*0,00*	3.687,59	2,87	0,00
1.6	Đất nông nghiệp còn lại (Đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác)	NKH	3.125,25	2,43		2.542,68	2.542,68	1,98	-582,57
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**55.805,90**	**43,44**	**61.678,00**	**0,00**	**61.677,96**	**48,01**	**5.872,06**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	32.863,73	25,58	2.628,00	0,00	2.628,00	2,05	-30.235,73
2.2	Đất an ninh	CAN	107,13	0,08	153,00	0,00	153,00	0,12	45,87
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.499,92	1,17	2.412,00	0,00	2.412,00	1,88	912,08
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	-		532,89	532,89	0,41	532,89
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2.382,17	1,85		3.065,94	3.065,94	2,39	683,77
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	720,77	0,56		432,10	432,10	0,34	-288,67

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020		Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, bổ sung	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		So sánh tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)-(6)	(8)	(9)	(10)=(8)-(4)
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	66,93	0,05		505,95	505,95	0,39	439,02
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	5.896,24	4,59	8.637,00	0,00	8.637,00	6,72	2.740,76
2.8.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	24,68	0,02	506,00	*0,00*	506,00	0,39	481,32
2.8.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	65,29	0,05	154,00	*0,00*	154,00	0,12	88,71
2.8.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	493,65	0,38	1.092,00	*0,00*	1.092,00	0,85	598,35
2.8.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	219,14	0,17	271,00	*0,00*	271,00	0,21	51,86
2.8.5	Đất giao thông	DGT	4.784,93	3,72	5.645,00	*0,00*	5.645,00	4,39	860,07
2.8.6	Đất thủy lợi	DTL	193,45	0,15		*407,59*	407,59	0,32	214,05
2.8.7	Đất công trình năng lượng	DNL	31,58	0,02	118,00	*0,00*	118,00	0,09	86,42
2.8.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	23,65	0,02	240,00	*0,00*	240,00	0,19	216,35
2.8.9	Đất phát triển hạ tầng còn lại (đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội, đất xây dựng cơ sở KH&CN và đất chợ)		59,78	0,05		*203,41*	203,41	0,16	143,63
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	-	11,00	0,00	11,00	0,01	11,00
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	18,46	0,01	18,00	0,00	18,00(2)	0,01	-0,46
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	22,25	0,02		104,00	104,00	0,08	81,75
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	80,44	0,06	207,00	0,00	207,00	0,16	126,56
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.464,29	1,92		1.646,62	1.646,62	1,28	-817,67
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	4.675,64	3,64		5.880,92	5.880,92	4,58	1.205,28
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	67,04	0,05		76,57	76,57	0,06	9,53
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DSN	25,20	0,02		25,40	25,40	0,02	0,20
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,67	0,00		15,67	15,67	0,01	15,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	93,77	0,07		87,02	87,02	0,07	-6,75
2.19	Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1.016,67	0,79		381,94	381,94	0,30	-634,73

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020		Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, bổ sung	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		So sánh tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)-(6)	(8)	(9)	(10)=(8)-(4)
2.20	Đất phi nông nghiệp còn lại (đất SX VLXD, làm đồ gốm, khu vui chơi giải trí cộng đồng, đất sinh hoạt cộng đồng, đất cơ sở tín ngưỡng, đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, đất có mặt nước chuyên dụng và đất phi nông nghiệp khác)		3.804,59	2,96		34.856,94	34.856,94([3])	27,13	31.052,35
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**1.405,79**	**1,09**	**422,00**	**0,00**	**422,00**	**0,33**	**-983,79**
4	**Đất khu công nghệ cao ([4])**	**KCN**	**659,95**	**0,51**	**1.130**	**0,00**	**1.130,00([5])**	**1,33**	**1.050,05**
5	**Đất đô thị ([4])**	**KDT**	**25.001,81**	**19,46**	**25.002**	**0,00**	**25.002,00**	**19,46**	**0,19**
6	**Khu chức năng ([4])**								
6.1	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	6.986,81	5,44			4.595,99	3,58	-2.390,82
6.2	Khu lâm nghiệp	KLN	32.177,27	25,05			23.916,47	18,62	-8.260,80
6.3	Khu du lịch	KDL	1.090,17	0,85			4.718,10	3,67	3.627,93
6.4	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	30.448,91	23,70			34.130,00	26,57	3.681,09
6.5	Khu phát triển công nghiệp	KPC	1.499,92	1,17			2.412,00	1,88	912,08
6.6	Khu đô thị	DTC	15.283,14	11,90			20.899,00	16,27	5.615,86
6.7	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	902,78	0,70			1.223,09	0,95	320,31
6.8	Khu dân cư nông thôn	DNT	9.583,94	7,46			6.078,31	4,73	-3.505,63

Ghi chú:

(1) Theo kết quả rà soát 3 loại rừng, diện tích rừng sản xuất là 10.855,2 ha; (2) Đất có di tích lịch sử - văn hóa dự kiến là 52,13 ha khi thành phố được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; (3) Bao gồm diện tích của huyện đảo Hoàng Sa (30.500,00 ha) và Đất khu công nghệ cao (1.130,00 ha); (4) Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên; (5) Dự kiến mở rộng khu công nghệ cao lên 1.710 ha khi thành phố được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch thành phố được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

Bảng 14.2. Phương án chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**4.906,44**
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1.796,48
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt	LUC/PNN	1.796,48
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	571,50
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	9,25
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	1.825,93
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	-
1.5	Đất nông nghiệp còn lại (Đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác)		703,28
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		**-**
3	**Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở**	**PKO/OCT**	**222,55**

Bảng 14.3. Phương án đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	**Đất Nông nghiệp**	**NNP**	**-**
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**983,79**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4,86
2.2	Đất an ninh	CAN	1,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	104,02
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	33,13
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	138,67
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,57
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	6,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện	DHT	396,25
2.8.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	54,03
2.8.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,36
2.8.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	112,06
2.8.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	23,92
2.8.5	Đất giao thông	DGT	145,49
2.8.6	Đất thủy lợi	DTL	12,57
2.8.7	Đất công trình năng lượng	DNL	1,59
2.8.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	36,00
2.8.9	Đất phát triển hạ tầng còn lại (đất xây dựng cơ CSHT dịch vụ xã hội, đất xây dựng cơ sở KH&CN và đất chợ)		6,23
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	1,00
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,08
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	20,61
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,55
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	14,36
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	210,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,43
2.16	Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,50
2.17	Đất phi nông nghiệp còn lại (đất SX VLXD, làm đồ gốm, khu vui chơi giải trí cộng đồng, đất sinh hoạt cộng đồng, đất cơ sở tín ngưỡng, đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, đất có mặt nước chuyên dụng và đất phi nông nghiệp khác)		37,58

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu vực quy hoạch	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)	Trữ lượng dự kiến (m^3)
I	**Quy hoạch đá làm vật liệu xây dựng thông thường**			
1	QH.1 (ĐXD)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	45,8	4.580.000
2	QH.2 (ĐXD	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	32,4	3.240.000
3	QH.3 (ĐXD)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	25,1	2.510.000
4	QH.4 (ĐXD)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	70,3	10.545.000
5	QH.5 (ĐXD)	Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	48,8	14.640.000
6	QH.6 (ĐXD)	Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	4,0	1.050.000
7	QH.7 (ĐXD)	Phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu	20,7	4.816.000
8	QH.8 (ĐXD)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	93,5	23.375.000
9	QH.9 (ĐXD)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	20,7	3.105.000
10	QH.10 (ĐXD)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	26,6	3.990.000
11	QH.11 (ĐXD)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	6,3	472.500
12	QH.12 (ĐXD)	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	28,7	5.740.000
13	QH.13 (ĐXD)	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	14,6	4.599.000
14	QH.14 (ĐXD)	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	14,8	4.662.000
	Tổng số (ĐXD):		**452,3**	**87.324.500**
II	**Quy hoạch đất làm vật liệu san lấp**			
1	QH.1 (ĐSL)	Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang	5,0	500.000
2	QH.2 (ĐSL)	Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang	8,4	840.000
3	QH.3 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, Hòa Liên, huyện Hòa Vang	119,5	11.950.000
4	QH.4 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	114,4	11.440.000
5	QH.5 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, Hòa Liên, Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	119	11.900.000
6	QH.6 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	79,6	7.960.000
7	QH.7 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	80,6	8.060.000
8	QH.8 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	75,7	7.570.000

TT	Tên khu vực quy hoạch	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)	Trữ lượng dự kiến (m^3)
9	QH.9 (ĐSL)	Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	2,34	270.000
10	QH.10 (ĐSL)	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	34,2	3.420.000
11	QH.11 (ĐSL)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	105,8	10.580.000
12	QH.12 (ĐSL)	Xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang	13,5	1.350.000
13	QH.13 (ĐSL)	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	10	1.000.000
14	QH.14 (ĐSL)	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	6,0	600.000
15	QH.15 (ĐSL)	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	11	1.100.000
16	QH.16 (ĐSL)	Xã Hòa Phong, Hòa Phú, huyện Hòa Vang	87	8.700.000
	Tổng số (ĐSL):		**872,04**	**87.240.000**

Ghi chú: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm rà soát, bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; phù hợp với các quy hoạch khác và các quy định của pháp luật có liên quan.

Phụ lục XVI
DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2023 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Ghi chú: - Tên công trình, dự án có thể thay đổi và dự án có thể phân khai thành các dự án phù hợp.

- Quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu, tổng mức đầu tư, hình thức đầu tư của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình phê duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các công trình, dự án khác căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương, các kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
A	**CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**		
1	Tuyến đường vành đai phía Tây 2 (đoạn từ đường số 8 KCN Hòa Khánh đến cuối tuyến)	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
2	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hòa Vang	2025 - 2030
3	Mở rộng Khu công nghệ cao thành phố Đà Nẵng (khi thành phố được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất)	Huyện Hòa Vang	2025 - 2030
4	Đầu tư xây dựng Cảng cá và Chợ Thủy sản đầu mối Thọ Quang thành trung tâm thương mại, dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với phục vụ du lịch (Dự án Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Thọ Quang thành phố Đà Nẵng giai đoạn 3)	Quận Sơn Trà	2025 - 2030
5	Trung tâm nghề cá lớn thành phố Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	2025-2050
6	Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng tại thành phố Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
7	Đại học Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
B	**CÁC DỰ ÁN KHÁC**		
I	**Giao thông vận tải**		
1	Dự án đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu - kêu gọi đầu tư các bến theo quy hoạch	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030 Sau 2023
2	Các dự án trong Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng - Hạ tầng kỹ thuật phía đầu Bắc; - Xây dựng ga hàng hóa - Mở rộng nhà ga hành khách T1 - Xây dựng mới nhà ga hành khách T3	Quận Hải Châu	2023 - 2030
3	Di dời ga đường sắt Đà Nẵng - Xây dựng nhà ga mới và hạ tầng liên quan theo quy hoạch - Cải tạo, phát triển ga Kim Liên	Quận Thanh Khê, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
4	Cải tạo, nâng cấp QL14G	Huyện Hòa Vang	2025 - 2030
5	Công trình qua sông Hàn (nối từ đường Đống Đa đến đường Vân Đồn - Trần Thánh Tông)	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
6	Đầu tư tuyến kết nối giao thông sân bay về phía Tây và nâng cấp cơ sở hạ tầng để nâng cao khả năng khai thác của cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng	Quận Hải Châu, Thanh Khê	Sau 2030
7	Tuyến đường nối từ đường Nguyễn Sinh Sắc đến đường Hoàng Văn Thái	Quận Liên Chiểu	2023 - 2025
8	Tuyến đường phía Tây khu du lịch sinh thái suối Lương, khớp nối tuyến đường số 7 KCN Liên Chiểu với đường Ngô Xuân Thu	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
9	Tuyến đường kết nối đường vành đai phía Tây đến cao tốc La Sơn - Túy Loan (phía sau Khu Công nghệ cao)	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
10	Đường Vành đai phía Tây 1 (tuyến đường giữa đường Vành đai phía Tây và đường bộ cao tốc nối từ đường Nguyễn Tất Thành (nối dài) qua Quốc Lộ 14B gần Trung tâm hành chính huyện Hòa Vang và kéo dài đến biển)	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
11	Tuyến đường số 9 nối Khu công nghệ cao với đường vành đai phía Tây (MC3-3)	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
12	Các tuyến đường ven sông Túy Loan, sông Yên, sông cầu Đỏ	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
13	Cụm nút giao thông Lê Thanh Nghị - Cách Mạng Tháng Tám - Thăng Long - đường dẫn lên cầu Hòa Xuân	Quận Hải Châu, Cẩm Lệ	2023 - 2030
14	Bến xe phía Bắc, phía Tây thành phố	Huyện Hòa Vang	2025 - 2030
15	Các cầu qua sông Túy Loan, sông Cái, sông Cẩm Lệ, sông Cu Đê theo quy hoạch	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
16	Đầu tư các bến thủy nội địa theo quy hoạch	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
17	Các bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
18	Nghiên cứu dự án vận tải công cộng khối lượng lớn: MRT (tàu điện ngầm, tốc độ cao), LRT (đường sắt nhẹ đô thị) hoặc hình thức tương tự	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
II	**Hạ tầng kỹ thuật khác**		
1	Các dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Cảng Liên Chiểu, Ga hàng hóa (hậu cần đường sắt)	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Hòa Hiệp Bắc	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
3	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Khu công nghệ cao	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2025
4	Cảng cạn Hòa Nhơn kết hợp hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần khác	Huyện Hòa Vang	2023 - 2025
5	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Hòa Ninh	Huyện Hòa Vang	Đến 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
6	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Hòa Phước	Huyện Hòa Vang	Đến 2030
7	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Hòa Phú	Huyện Hòa Vang	Đến 2030
8	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần hàng không	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
9	Các dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần và kho bãi khác (trên các đường tránh của tuyến đường cao tốc, tại các khu, cụm công nghiệp…)	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
III	**Thương mại**		
1	Chợ Cồn	Quận Hải Châu	2023 - 2025
2	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng lại, xây mới các chợ hạng 1 (chợ Hàn, chợ Đống Đa, chợ Hòa Khánh, chợ Thọ Quang…) và các chợ khác trên địa bàn	Các quận, huyện	2025 - 2030
3	Chợ Đầu mối Hòa Phước	Huyện Hòa Vang	2023 - 2025
4	Chợ chuyên kinh doanh rau, củ quả phía Tây thành phố	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
5	Khu logistics dịch vụ hỗ trợ chợ đầu mối và ngành bán buôn thành phố Đà Nẵng	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
6	Khu phi thuế quan và các dịch vụ đi kèm	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
7	Khu thương mại tự do, các khu phi thuế quan và các dịch vụ đi kèm	Quận Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
8	Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc tế Đà Nẵng (hạng A, đầu tư mới)	Huyện Hòa Vang	Sau 2025
9	Trung tâm mua sắm Outlet (diện tích 100 ha, nằm trên đường Vành đai phía Tây)	Huyện Hòa Vang	2025 - 2030
10	Các trung tâm thương mại, siêu thị	Các quận, huyện	2023 - 2030 2031 - 2050
IV	**Du lịch**		
1	Cải tạo hạ tầng, cảnh quan, tạo một số điểm nhấn kiến trúc trên tuyến và bãi cát đường Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp - Trường Sa	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
2	Cải tạo hạ tầng, bờ kè, cảnh quan và tạo các điểm nhấn kiến trúc trên tuyến và bãi cát đường Nguyễn Tất Thành	Quận Thanh Khê, Liên Chiểu	2023 - 2030
3	Đầu tư điểm đến Sủng Cỏ, Mà Đa	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
4	Khu du lịch suối Lương	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
5	Khu du lịch phía Đông tuyến đường đèo Hải Vân	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
6	Khu du lịch phía Tây Nam tuyến đường đèo Hải Vân	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
7	Khu du lịch sinh thái đồi Chim Chim	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
8	Khu du lịch phía Tây đường tránh Hải Vân	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
9	Hạ tầng thiết yếu các điểm du lịch dọc sông Cu Đê	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023 - 2025
10	Dự án Tổ hợp Dòng sông ánh sáng và bến thủy nội địa	Quận Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ	2023 - 2025
11	Cảnh quan hai bên bờ sông Hàn (phía bờ Đông)	Quận Hải Châu, Sơn Trà	2023 - 2025
12	Tuyến phố đi bộ Bạch Đằng - Nguyễn Văn Trỗi - Trần Hưng Đạo	Quận Hải Châu, Sơn Trà	2023 - 2030
13	Khu dịch vụ đêm: - Khu thương mại dịch vụ kết hợp bãi đỗ xe ngầm - Khu dịch vụ đêm tại khu vực ranh giới 4 tuyến đường Bình Minh 4 - Bình Minh 10 - Bạch Đằng - đường 2 tháng 9 - Khu tổ hợp kinh tế ban đêm riêng biệt	Quận Hải Châu, Sơn Trà	2023 - 2030
14	Khu du lịch cộng đồng Mân Thái - Thọ Quang	Quận Sơn Trà	2023 - 2028

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
15	Dự án đầu tư hạ tầng tiện ích khu du lịch cộng đồng Nam Ô	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
16	Dự án đầu tư hạ tầng tiện ích các khu du lịch cộng đồng Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
17	Phố du lịch An Thượng giai đoạn 2	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2025
18	Làng ẩm thực Quốc tế	Quận Sơn Trà, Cẩm Lệ	2026 - 2030
19	Khu công viên bách thảo, bách thú khu vực hồ Đồng Xanh, Đồng Nghệ	Huyện Hòa Vang	2023 - 2035
20	Khu công viên chuyên đề vui chơi giải trí và bách thảo (khu vực giáp dự án Bà Nà)	Huyện Hòa Vang	2023 - 2035
21	Khu công viên chuyên đề văn hóa lịch sử	Huyện Hòa Vang	2023 - 2035
V	**Các dự án tổ hợp**		
1	Khu trung tâm kinh doanh thương mại (CBD) đô thị sinh thái Hòa Khánh Nam	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
2	Khu trung tâm kinh doanh thương mại (CBD) An Đồn	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
3	Khu phức hợp trung tâm tài chính thương mại, vui chơi giải trí và chung cư cao cấp	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
4	Khu tổ hợp công trình TMDV kết hợp ở phục vụ lễ hội pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
5	Tổ hợp thể thao, giải trí và thương mại tại phường Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
6	Dự án Không gian sáng tạo tại phường Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
7	Khu phức hợp thương mại dịch vụ tại phường Hòa Thọ Tây	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
8	Khu phức hợp hồ Hóc Khế	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
9	Khu phức hợp hồ Đồng Tréo	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
10	Tổ hợp sản xuất và dịch vụ du thuyền tại thành phố Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	2030 - 2050
VI	**Cảng du lịch, bến du thuyền/bến thủy nội địa phục vụ du lịch**		
1	Nâng cấp, phát triển cảng sông Hàn thành cảng du lịch (Y6)	Quận Hải Châu	2023 - 2025
2	Bến du thuyền Quốc tế (Y5, Y6, Y7)	Quận Hải Châu	2023 - 2030
3	Bến du thuyền quốc tế Đa Phước (N12)	Quận Hải Châu	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
4	Bến du thuyền quốc tế Thuận Phước (N11) (khu vực cầu Thuận Phước, quận Sơn Trà)	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
5	Dự án chuyển đổi Cảng Tiên Sa thành Cảng du lịch (Cảng biển du thuyền quốc tế Tiên Sa)	Quận Sơn Trà	2030 - 2050
VII	**Sân gôn**		
1	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch hồ Hòa Trung	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
2	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Liên - Hòa Bắc	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
3	Khu phức hợp khách sạn, sân golf Hòa Phong - Hòa Phú	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
4	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Phú - Hòa Nhơn (cuối tuyến Bà Nà - Suối Mơ)	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
VIII	**Công nghệ thông tin**		
1	Tòa nhà Viettel Đà Nẵng	Quận Hải Châu	2023 - 2025
2	Khu Công nghệ thông tin DanangBay (đường Nguyễn Sinh Sắc)	Quận Liên Chiểu	2023 - 2025
3	Các dự án thuộc Đề án chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022 - 2025	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2025
4	Các dự án thuộc Đề án xây dựng thành phố thông minh tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022 - 2025	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2025
5	Trung tâm chia chọn tự động tại Khu công nghiệp Liên Chiểu	KCN Liên Chiểu	2023 - 2030
6	Trung tâm dữ liệu vùng phục vụ điều hành mạng lưới viễn thông, hạ tầng chính phủ điện tử và nền tảng công nghệ 4.0	KCN Hòa Khánh	2023 - 2030
7	Trạm cập bờ cáp quang biển Đà Nẵng để hình thành trung tâm chuyển đổi số của khu vực ASEAN (Digital Hub)	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2025
8	Khu phức hợp gồm Trung tâm dữ liệu viễn thông và CNTT (Data Center), trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, trung tâm đào tạo công nghệ cao tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
9	Trung tâm Nghiên cứu và phát triển dịch vụ dữ liệu công nghệ cao - HTC Digital Park	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2026
IX	**Công nghiệp**		
1	Mở rộng, nâng công suất Nhà máy bia Heineken Việt Nam - Đà Nẵng	KCN Hòa Khánh	2023 - 2030
2	Nhà máy đóng mới du thuyền tại Khu công nghiệp Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
3	Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa, thử nghiệm du thuyền Tiên Sa	Quận Sơn Trà	2023 - 2030 và sau năm 2030
4	Dự án cung ứng dịch vụ liên quan đến du thuyền	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
5	Dự án chuyên lĩnh vực Fintech hỗ trợ startup trong Khu công nghệ cao Đà Nẵng	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
6	Dự án nghiên cứu, sản xuất chế tạo các hệ thống, thiết bị thông minh phục vụ chuẩn đoán theo dõi, điều trị và chăm sóc sức khỏe con người	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
7	Dự án Nhà máy sản xuất ô tô	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
8	Dự án sản xuất chip, cảm biến sinh học	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
9	Dự án sản xuất hệ thống, thiết bị giáo dục và đào tạo thông minh	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
10	Dự án sản xuất thiết bị LiDAR, thiết bị đo theo nguyên lý quán tính (INS), la bàn điện tử độ chính xác cao	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
11	Dự án sản xuất thiết kế vi mạch điện tử tích hợp (IC)	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
12	Dự án sản xuất Vật liệu in 3D tiên tiến, thân thiện với môi trường	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
13	Dự án Thiết bị và trạm sạc không dây hiệu suất cao	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
14	Dự án thuộc lĩnh vực công nghệ hàng không, vũ trụ	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
15	Dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thiết kế, chế tạo robot	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
16	Trung tâm chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm tập trung	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
17	Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng tại thành phố Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
18	Dự án Khu cơ khí chế tạo phục vụ lĩnh vực dầu khí, điện gió	Quận Liên Chiểu/vị trí khác	2023 - 2030
X	**Hạ tầng công nghiệp**		
1	Cụm công nghiệp Hòa Khánh Nam	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
2	Cụm công nghiệp Hòa Liên 2	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
3	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
4	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 1 (Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm)	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
5	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 2	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
6	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 3	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
7	Cụm công nghiệp Sản xuất thô đá mỹ nghệ Non Nước	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
8	Cụm công nghiệp Sản xuất vật liệu xây dựng	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
9	Cụm công nghiệp Nam Sơn	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
10	Cụm công nghiệp Nam Sơn 2	Huyện Hòa Vang	2031 - 2050

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
11	Cụm công nghiệp Hòa Vang 1	Huyện Hòa Vang	2031 - 2050
12	Cụm công nghiệp Hoà Vang 2	Huyện Hòa Vang	2031 - 2050
13	Khu công nghiệp Hòa Cầm - giai đoạn 2	Quận Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
14	Khu công nghiệp Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
15	Khu công nghiệp Hòa Ninh	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
XI	**Cấp điện, xăng dầu, khí đốt**	Huyện Hòa Vang	
1	Đường dây 500kV mạch 2 Đà Nẵng - Dốc Sỏi	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
2	Nâng công suất TBA220kV Ngũ Hành Sơn, lắp máy 2-250MVA	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
3	Nâng công suất TBA500kV Đà Nẵng từ 2x450MVA lên thành 2x900MVA	Quận Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
4	Xây dựng mới TBA220kV Hải Châu và đường dây đấu nối	Quận Hải Châu, Liên Chiểu,	2023 - 2030
5	Xây dựng mới TBA220kV Liên Chiểu và đường dây đấu nối	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
6	Xây dựng mới TBA220kV sân bay và đường dây đấu nối	Quận Cẩm Lệ, Thanh Khê	2023 - 2030
7	Xây dựng mới TBA220kV Tiên Sa và đường dây đấu nối	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
8	Dự án Nhà máy điện sinh khối	Quận Liên Chiểu	2023 - 2025
9	Kho xăng dầu Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
10	Kho xăng dầu Tiên Sa	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
11	Kho xăng dầu quận Sơn Trà (kho nổi kết hợp cấp phát trên cạn)	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
12	Kho xăng dầu Hòa Hiệp Bắc	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
13	Tuyến ống xăng dầu Liên Chiểu - Hòa Liên	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2030 - 2050
14	Kho LPG Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	2026 - 2030 và 2031 - 2050
15	Kho LPG Thọ Quang	Quận Sơn Trà	2023 - 2025
16	Kho LNG Đà Nẵng	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030 và 2031 - 2050
17	Trạm nạp CNG tại KCN Hòa Khánh	Quận Liên Chiểu	2026 - 2030
18	Trạm nạp CNG KCN Hòa Cầm	Quận Cẩm Lệ	2026 - 2030
19	Các hệ thống đường ống dẫn khí từ các kho LNG tới các nhà máy điện, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hộ tiêu thụ…	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang và các vị trí phù hợp	2023 - 2030
20	Các hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao	Các khu CN, cụm CN, Khu CNC	2023 - 2030
21	Khu dịch vụ dầu khí miền Trung tại Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
22	Khu dịch vụ cung ứng xăng dầu, kết hợp tránh trú bão	Quận Sơn Trà	2023 - 2025
XII	**Nông, lâm nghiệp, thủy sản**		
1	Di dời các cơ sở đóng sửa tàu cá trong Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang ra ngoài vịnh Mân Quang	Quận Sơn Trà	2025 - 2030
2	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác phát triển rừng, quản lý bảo vệ rừng và PCCC rừng ở các địa phương có rừng	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2025 - 2030
XIII	**Đê kè, thủy lợi**		
1	Kè chống sạt lở bảo vệ hạ tầng và cảnh quan dọc bờ biển khu vực quận Sơn Trà và	Quận Sơn Trà,	2025 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
	Ngũ Hành Sơn	Ngũ Hành Sơn	
2	Tuyến kênh thoát lũ từ hồ Bàu Tràm đến sông Cu Đê	Quận Liên Chiểu	2024 - 2030
3	Tuyến đường 15m kết hợp kè chắn sóng bảo vệ bờ Bắc sông Cu Đê	Quận Liên Chiểu	
4	Nạo vét sông Cu Đê, Túy Loan, Lỗ Đông, Tây Tịnh	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2025 - 2030
5	Kè chống sạt lỡ các sông, hồ trên địa bàn huyện Hòa Vang, Kè chống sạt lỡ tả ngạn sông Cu Đê trên địa bàn quận Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2025 - 2030
XIV	**Cấp nước, thoát nước**		
1	Nhà máy nước Hòa Liên, giai đoạn 2	Huyện Hòa Vang	2024 - 2030
2	Phát triển mạng lưới cấp nước tiếp nhận nguồn nước từ Nhà máy nước Hòa Liên	Huyện Hòa Vang	2023 - 2025
3	Xây dựng tuyến ống cấp nước phía Đông Nam thành phố Đà Nẵng	Quận Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
4	Hệ thống thoát nước chống ngập úng tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi sân bay Đà Nẵng (phía Tây sân bay Đà Nẵng, phía Đông sân bay Đà Nẵng, phía Nam sân bay Đà Nẵng)	Quận Hải Châu, Thanh Khê, Cẩm Lệ	2023 - 2030
5	Tuyến cống thoát nước từ Bãi rác Khánh Sơn về Hòa Mỹ	Quận Liên Chiểu	2026 - 2030
6	Tuyến thoát nước chính từ hạ lưu kênh thoát nước khu công nghệ cao về kênh thoát lũ xã Hòa Liên	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
7	Tuyến cống thoát nước đường Lê Tấn Trung và vùng lân cận	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
8	Xây dựng các tuyến cống thoát nước mưa về sông Hàn cho lưu vực Mỹ Khê - Mỹ An	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
9	Tuyến ống thu gom nước thải dọc đường ven sông Tuyên Sơn - Túy Loan, đoạn từ cầu Đỏ đến QL14B	Quận Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn	2026 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
10	Xây dựng trạm bơm Hòa Cường và hệ thống đường ống thu gom, chuyển tải nước thải về Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân	Quận Hải Châu, Cẩm Lệ	2023 - 2030
11	Hệ thống thu gom nước thải các khu tái định cư trên địa bàn xã Hòa Sơn, Hòa Liên và phường Hòa Khánh Bắc về trạm xử lý nước thải Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu, huyện Hòa Vang	2023 - 2030
12	Cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước và thu gom nước thải cho lưu vực trạm xử lý nước thải Phú Lộc	Quận Hải Châu, Cẩm Lệ, Thanh Khê, Liên Chiểu	2023 - 2030
13	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải các khu vực dọc đường Nguyễn Tất Thành và khu vực Nam Ô	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và thu gom nước thải khu vực đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ cầu Trần Thị Lý đến đường Vân Đồn)	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
15	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và thu gom nước thải khu vực đường Chương Dương (đoạn từ cầu Trần Thị Lý đến cầu Tiên Sơn)	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
16	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và thu gom nước thải khu vực đường Thăng Long (đoạn từ cầu Nguyễn Tri Phương đến cầu Đỏ)	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
17	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và thu gom nước thải khu vực xung quanh Âu thuyền Thọ Quang	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
18	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Quý	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
19	Xây dựng các trạm xử lý nước thải trên địa bàn huyện Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
XV	**Môi trường**		
1	Các trạm trung chuyển rác tại các quận, huyện	Các quận/huyện	2023 - 2030
2	Hạ tầng kỹ thuật khu liên hợp xử lý chất thải rắn phía Tây thành phố	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
3	Đầu tư, nâng cấp, cải tạo một số hạng mục khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn giai đoạn 2 (Hộc rác số 7 tại khu vực bãi rác Khánh Sơn)	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
4	Khu chôn lấp tro xỉ	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
5	Các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
6	Các nhà máy xử lý chất thải nguy hại	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
7	Các nhà máy tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
8	Các nhà máy xử lý bùn thải	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
9	Các nhà máy xử lý chất thải rắn xây dựng	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
10	Dự án đầu tư xây dựng hồ sông Bắc	Huyện Hòa Vang	2030 - 2050
11	Dự án đầu tư khai thác khu đất sau hoàn thổ các khu vực tại mỏ đá	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
XVI	**Khoa học công nghệ**		
1	Khu làm việc và đào tạo khởi nghiệp	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
2	Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
3	Đầu tư hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cho các đơn vị sự nghiệp công lập	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
XVII	**Giáo dục, đào tạo**		
1	Trường Cao đẳng nghề tại Hòa Quý (giai đoạn 2)	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
2	Dự án Đổi mới Sáng Tạo tại khu quy hoạch đô thị Đại học phía Nam thành phố	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
3	Các trường Đại học tiêu chuẩn quốc tế	Quận Ngũ Hành Sơn, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
4	Trường Cao đẳng đào tạo các ngành, nghề trọng điểm Asean, quốc tế	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2025
5	Khu làm việc và đào tạo khởi nghiệp, du học quốc tế	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
6	Trường phổ thông nhiều cấp học	Quận Liên Chiểu, Hải Châu, Sơn Trà, Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2024 - 2030
7	Khu đào tạo kỹ năng sống, trung tâm diễn giải môi trường	Quận Sơn Trà	2024 - 2030
8	Dự án Khu giáo dục ngoại khóa và du lịch sinh thái khu vực Khe Răm	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
9	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng trường học giai đoạn 2021 - 2025	Thành phố Đà Nẵng	2021 - 2025
10	Đầu tư mạng lưới trường học theo quy hoạch thành phố và quy mô dân số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thành phố Đà Nẵng	2021 - 2050
XVIII	**Y tế**		
1	Bệnh viện Đà Nẵng cơ sở 2	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
	- Trung tâm Huyết học		
	- Bệnh viện/Trung tâm Y học Nhiệt đới		
	- Trung tâm Lão khoa		
	- Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao Đà Nẵng		
2	Mở rộng Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn	2025 - 2035
3	Trung tâm Tầm soát ung thư thuộc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
4	Bệnh viện Bắc Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	2026 - 2030
5	Trung tâm đào tạo Y khoa	Thành phố Đà Nẵng	2030 - 2050
6	Trung tâm chăm sóc người cao tuổi	Thành phố Đà Nẵng	2030 - 2050
7	Trung tâm chẩn đoán y khoa chất lượng cao	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
8	Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030
9	Các bệnh viện đa khoa/chuyên khoa chất lượng cao	Thành phố Đà Nẵng	2025 - 2030
10	Trung tâm điều trị Ung bướu Quốc tế chất lượng cao	Quận Liên Chiểu	2025 - 2030
11	Trung tâm Sức khỏe lao động và Môi trường	Thành phố Đà Nẵng	2030 - 2050
12	Bệnh viện 1000 giường phía Tây thành phố (TTYT quận Liên chiểu 1000GB)	Quận Liên Chiểu	2030 - 2050
13	Đầu tư các cơ sở/mô hình khám chữa bệnh, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2050
14	Bệnh viện Nội tiết	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
XIX	**Cơ sở văn hóa**		
1	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành phố	Quận Hải Châu	2023 - 2030
2	Nhà hát lớn thành phố	Đang tìm địa điểm	2023 - 2030
3	Bảo tàng Mỹ thuật cơ sở 2	Đang tìm địa điểm	2030 - 2050
4	Nhà trưng bày các tác phẩm, hiện vật do các tổ chức cá nhân hiến tặng	Quận Hải Châu	2023 - 2030
5	Bảo tàng tranh "Trận chiến 1858-1860" tại Đà Nẵng	Đang tìm địa điểm	2023 - 2030
6	Bảo tàng biển Việt Nam tại Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	2030 - 2050
7	Tu bổ, phục hồi và tôn tạo Di tích Thành Điện Hải (giai đoạn 3)	Quận Hải Châu	2023 - 2025
8	Thư viện Khoa học Tổng hợp phía Tây Bắc	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
9	Thư viện Khoa học Tổng hợp phía Nam thành phố	Huyện Hòa Vang	2030 - 2050
10	Thư viện Khoa học Tổng hợp phía Đông Nam thành phố	Quận Ngũ Hành Sơn	2030 - 2050
11	Thư viện Khoa học Tổng hợp cấp vùng	Quận Hải Châu	2023 - 2030
12	Nhà văn hóa thiếu nhi phía Tây, Tây Nam thành phố	Quận Cẩm Lệ, Liên Chiểu	2023 - 2025
13	Trường quay Đà Nẵng	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
14	Dự án quần thể văn hóa Hùng Vương	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
XX	**Quảng trường, công viên cảnh quan**		
1	Quảng trường Trung tâm	Quận Hải Châu	2023 - 2030
2	Khu công viên vườn dạo kết hợp thương mại, dịch vụ dọc tuyến mương Suối Đá	Quận Sơn Trà	2023 - 2025
3	Công viên chuyên đề phía Nam bán đảo Sơn Trà	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
4	Công viên tại khu đất Đài phát sóng An Hải	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
5	Công viên Văn hóa lịch sử Ngũ Hành Sơn	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2050
6	Công viên công cộng ven biển theo Đề án định hướng phát triển du lịch đến 2030, tầm nhìn năm 2045	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
XXI	**Cơ sở thể dục thể thao**		
1	Trung tâm thể thao chất lượng cao tại khu vực Tây Bắc thành phố	Quận Liên Chiểu	2025-2035
2	Các hạng mục thuộc Khu liên hợp thể thao Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
3	Trường đua ngựa (Dự án Câu lạc bộ cưỡi ngựa Việt Nam)	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
4	Trung tâm huấn luyện Đấu kiếm quốc tế tại Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2030 - 2050
5	Trung tâm huấn luyện và đào tạo Taekwondo khu vực miền Trung tại thành phố Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2030 - 2050
XXII	**An sinh xã hội**		
1	Xây dựng Nhà dưỡng lão 1	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
2	Xây dựng Nhà dưỡng lão 2 và 3	Huyện Hòa Vang	2030 - 2050
3	Cơ sở cai nghiện số 2	Huyện Hòa Vang	2030 - 2050
XXIII	**Quốc phòng - an ninh**		
1	Doanh trại Trung đội Pháo Sơn Trà	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
2	Kho K97	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
3	Kho xăng dầu Bộ Tư lệnh Biên phòng	Quận Sơn Trà	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
XXIV	**Các khu đô thị**		
1	Khu đô thị sân bay	Quận Hải Châu, Thanh Khê, Cẩm Lệ	2030 - 2050
2	Khu đô thị Làng đại học	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
3	Khu đô thị ven sông phía Tây Nam Nhà máy nước Cầu Đỏ	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
4	Khu vực đô thị sườn đồi	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
	- Khu biệt thự sinh thái hồ Trước Đông	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
	- Khu đô thị phía Tây đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
	- Khu đô thị phía Đông đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
	- Khu đô thị sinh thái phía Bắc đường Hoàng Văn Thái	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
	- Khu đô thị Phước Hưng - Trước Đông	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
	- Khu dân cư mới (bao gồm vệt 50m) dọc theo hai bên tuyến đường Hoàng Văn Thái đi Bà Nà - Suối Mơ	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
	- Khu đô thị Tây Bắc sườn đồi (Khu đô thị thông minh Phi thuế quan quanh sườn đồi)	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
	- Khu đô thị Đông Nam sườn đồi (Khu đô thị thông minh Phi thuế quan quanh sườn đồi)	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
5	Khu đô thị huyện lỵ Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
6	Khu vực tiểu vùng Đông Nam Hòa Vang: - Khu dân cư thương mại ven sông Hòa Phước - Khu đô thị sinh thái Hòa Tiến - Các nút dân cư khu vực Hòa Tiến - Các nút dân cư khu vực Hòa Châu	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
XXV	**Các dự án chỉnh trang đô thị, khu tái định cư, chung cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội**		
1	Các cụm, khu tái định cư phục vụ giải tỏa các khu đô thị mới, các dự án đầu tư được xác định trong Quy hoạch thành phố và phục vụ giải tỏa theo chương trình mục tiêu Quốc gia Nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2030	Quận Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
2	Cải tạo, chỉnh trang đô thị khu vực phía Tây đường Trường Chinh (khu vực phía Nam đường CK55 và Khu dân cư phía Nam đường Lê Trọng Tấn)	Quận Cẩm Lệ	2023 - 2030
3	Nhà ở công nhân tại các khu, cụm công nghiệp; các chung cư, nhà ở xã hội	Toàn thành phố	2023 - 2030
	- Nhà ở xã hội cho người có công với cách mạng	Toàn thành phố	2023 - 2025
	- Nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại đô thị	Toàn thành phố	2023 - 2030
	- Nhà ở xã hội cho công nhân	Toàn thành phố	2023 - 2030
XXVI	**Các dự án tái thiết đô thị**		
	Thí điểm các dự án tái thiết đô thị, hình thành các đô thị nén tại phường Bình Hiên (quận Hải Châu), phường Thanh Khê Đông (quận Thanh Khê), phường An Hải Tây (quận Sơn Trà)	Toàn thành phố	2023 - 2030
C	**MỘT SỐ DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ**		
I	**DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**		
1	Dự án đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng - Phần CSHT dùng chung giai đoạn 1	Quận Liên Chiểu	2022-2030
2	Đường ven biển nối cảng Liên Chiểu giai đoạn 2	Quận Liên Chiểu	2022-2025
3	Mở rộng tuyến Quốc lộ 14B (giai đoạn 2)	Huyện Hòa Vang	2024-2027
4	Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Thọ Quang thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2	Quận Sơn Trà	2025 - 2030
5	Doanh trại cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Thành phố Đà Nẵng	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
II	**MỘT SỐ DỰ ÁN CỦA THÀNH PHỐ**		
1	Khu công viên chuyên đề, văn hóa, vui chơi giải trí kết hợp thương mại dịch vụ phía Đông Nam Đài tưởng niệm giai đoạn 2 (Asia Park)	Quận Hải Châu	2023 - 2030
2	Khu phức hợp y tế - giáo dục - chung cư cao cấp tại phường Mỹ An	Quận Ngũ Hành Sơn	2023 - 2030
3	Quần thể Khu đô thị du lịch Bà Nà - Suối Mơ (khu vực chân núi Bà Nà)	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
4	Khu biệt thự sinh thái hồ Trước Đông	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
5	Khu đô thị phía Tây đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
6	Khu đô thị phía Đông đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
7	Khu đô thị sinh thái phía Bắc đường Hoàng Văn Thái	Huyện Hòa Vang	2023 - 2030
D	**CÁC DỰ ÁN ĐANG RÀ SOÁT, XỬ LÝ THEO CÁC KẾT LUẬN THANH TRA**		
I	**Các dự án theo Kết luận Thanh tra số 2852/KL-TTCP ngày 02 tháng 11 năm 2012**		
1	Dự án Khu du lịch sinh thái Nam Ô	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
2	Khu du lịch nghỉ dưỡng và giải trí tổng hợp Làng Vân	Quận Liên Chiểu	2023 - 2030
II	**Các dự án theo Kết luận Thanh tra số 269/KL-TTCP ngày 16 tháng 9 năm 2019**		
1	Tổ hợp Khu du lịch - dịch vụ cao cấp Sơn Trà (Sontra Resort&Spa)	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
2	Khu nhà nghỉ và du lịch sinh thái Bãi Trẹm	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
3	Khu Du lịch Bãi Bụt	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
4	Khu du lịch sinh thái biển Bãi Bắc (Intercontinental)	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
5	Khu du lịch sinh thái biển Tiên Sa	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
6	Khu Du lịch Bãi Trẹm	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
7	Khu Du lịch sinh thái, nhà nghỉ, dịch vụ tại Bán đảo Sơn Trà	Quận Sơn Trà	2023 - 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
8	Khu Du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự sinh thái cao cấp Ghềnh Đa - Mũi Nghê	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
9	Khu du lịch sinh thái biển, biệt thự cao cấp Ghềnh Bàn - Bãi Đa	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
10	Khu Du lịch ven biển và biệt thự sinh thái cao cấp Hồ Xanh	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
11	Khu Du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp Tây Nam Suối Đá	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
12	Khu du lịch Biển Đông mở rộng (Dự án Khu du lịch Bãi Rạng)	Quận Sơn Trà	2023 - 2030
13	Khu du lịch sinh thái biển kết hợp nuôi trồng thủy sản	Quận Sơn Trà	2023 - 2030

Ghi chú: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án tại mục C và D phụ lục này. Đối với các dự án tại Mục D, chỉ triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Phụ lục XVII

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
3.1	Sơ đồ phương án phát triển Dịch vụ, du lịch	1:25.000
3.2	Bản đồ phương án phát triển Văn hóa, thể thao	1:25.000
3.3	Bản đồ phương án phát triển Khoa học công nghệ, Giáo dục đào tạo	1:25.000
3.4	Bản đồ phương án phát triển Y tế, An sinh xã hội	1:25.000
3.5	Sơ đồ phương án phát triển Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	1:25.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
4.1	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông	1:25.000
4.2	Sơ đồ phương án phát triển Thoát nước mặt và Thủy lợi; Hệ thống cấp nước sinh hoạt; Thoát nước thải; Xử lý chất thải rắn và nghĩa trang	1:25.000
4.3	Sơ đồ phương án Mạng lưới cấp điện; Thông tin và truyền thông; Hạ tầng, dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt; Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú cho tàu cá	1:25.000
5	Bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
6	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng